

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 TUẦN GIÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Địa chỉ: Khối Đoàn Kết xã Tuần Giáo - tỉnh Điện Biên.
- Số điện thoại: 0383542169
- Địa chỉ thư điện tử: thso2thitragt.g@dienbien.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: <http://tieuhocso2tuangiao.tuangiao.gov.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: - Loại hình: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: “Xây dựng được môi trường làm việc, học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, mỗi giáo viên, học sinh được phát triển toàn diện về nhân cách, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy của bản thân”.

- Tầm nhìn: “Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo là một trong những trường có uy tín của xã Tuần Giáo, là môi trường để giáo viên và học sinh tự hào được cống hiến và ra sức rèn luyện, học tập tốt”.

** Mục tiêu:*

1) Giai đoạn 2021 – 2022: Xây dựng đội ngũ sư phạm có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với nghề, yêu trường, đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

2) Giai đoạn 2022 – 2023: Nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và kết quả học tập, giáo dục toàn diện của học sinh; giáo viên và học sinh đáp ứng phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

3) Sau năm 2023 - 2025: Tạo lập môi trường giáo dục thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường tiểu học số 2 Tuần giáo được thành lập theo Quyết định 203/QĐ-UB, ngày 22 tháng 8 năm 1991. Trục thuộc xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Trường đóng trên địa bàn thuận lợi của xã Tuần Giáo, trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các Cấp Ủy đảng, chính quyền và Sở giáo dục và đào tạo. Những năm học qua Nhà trường luôn có sự đồng tình ủng hộ của các bậc phụ huynh, các đoàn

thể, nhà trường luôn được đánh giá cao về chất lượng và các phong trào thi đua. Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy và học.

Trường TH số 2 Tuần Giáo đã xác định rõ định hướng, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là khi thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

6. *Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.*

Thông tin người đại diện pháp luật:

- Bà: Hoàng Thanh Phương.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Nơi làm việc: Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo
- Số điện thoại: 0383542169
- Địa chỉ thư điện tử: phuongbs76@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) *Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);*

Quyết định thành lập: Quyết định số 203/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 1991 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc thành lập trường Tiểu học số 2 thị trấn.

b) *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;*

Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 - QĐ kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 của UBND huyện Tuần Giáo

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục; c1. Quyết định điều động Hiệu trưởng: Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng; QĐ số 239/QĐ-UBND ngày 07/09/2025 QĐ V/v bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (Hoàng Thanh Phương)

d) *Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;*

d1. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng (QĐ số 239/QĐ-UBND ngày 07/9/2025 QĐ V/v bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý); QĐ hội đồng thi đua khen thưởng (QĐ số 20/QĐ-THS2TG ngày 10/9/2025 QĐ kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng); hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn (QĐ số 21/QĐ-THS2TG ngày 10/9/2025 QĐ kiện toàn Hội đồng tư vấn năm học 2025 - 2026); tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam (QĐ số 172/QĐ-ĐU ngày 28/11/2025 QĐ chỉ định uỷ viên BCU và các chức danh BT, PBT chi bộ trường TH

số 2 Tuần Giáo); tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (QĐ 08/QĐ-THS2TG ngày 10/9/2025 QĐ V/v thành lập tổ chức ĐTNTPHCM liên đội trường TH số 2 Tuần Giáo); các tổ chuyên môn; tổ văn phòng (QĐ số 07/QĐ-THS2TG ngày 10/9/2025 QĐ phân công GV, NV làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, tổ VP, năm học 2025 - 2026); lớp học sinh (QĐ 06/QĐ-THS2TG ngày 10/9/2025 quyết định Về việc thành lập các lớp học Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo Năm học 2025-2026.

- Hoạt động: Thực hiện Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Chức năng: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quyền khác theo quy định của pháp luật. d3. Tổ chức bộ máy: Tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có). Không có

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường: Xem Phụ lục 1 của Báo cáo.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Xem Phụ lục 2 của Báo cáo.

- Quy định về quản lý tài sản: Xem Phụ lục 3 của Báo cáo.

- Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Xem Phụ lục 4 của Báo cáo.

- Kế hoạch tuyển dụng của nhà trường: Xem Phụ lục 5 của Báo cáo.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

a1. Cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Hoàng Thanh Phương	HT	ĐHGDTH	2025	HT

a2. Giáo viên:

Họ và tên	Nhiệm vụ	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
Lò Thị Tranh	CN Lớp 1A1	1	1
Huỳnh Thị Hương	CN Lớp 1A2	1	1
Hoàng Thị Hằng	CN Lớp 3A	1	1
Tô Kim nhung	CN Lớp 4A1	1	1
Dương Thị Lan	CN Lớp 4A2	1	1
Nguyễn Thị Hoa Thắm	CN Lớp 5A1	1	1
Đỗ Thị Toàn	CN Lớp 5A2	1	1
Hoàng Thị Minh Phuong	CN Lớp 2A2	1	1
Bùi Văn Ninh	CN Lớp 2A1	1	1
Nguyễn Thị Huế	Tin học	1	1
Nguyễn Thị Phương	Tiếng Anh	1	1
Nguyễn Quốc Dương	GDTC	1	1
Nguyễn Thị Liên	GV	1	1
Tổng cộng		13	13

a.3. Nhân viên:

STT	Bộ môn	Trình độ chuyên môn				Năm báo cáo	Năm trước liền kề
		Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Khác		
1	Thiết bị, thí nghiệm					0	0
2	Giáo vụ (CNTT)					0	0
3	Tư vấn học sinh					0	0
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					0	0
5	Thư viện				1	1	1
6	Quản trị công sở					0	0
7	Văn thư					0	0
8	Thủ quỹ					0	0
9	Kế toán					0	0
10	Y tế				1	1	1
11	Bảo vệ				1	1	1
12	Phục vụ				1	1	1
Tổng cộng					4	4	4

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 1. Đạt chuẩn 1/1. Tỷ lệ: 100%.

- Giáo viên: 13. Đạt chuẩn 13/13. Tỷ lệ: 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Số lượng: 18.

- Tỷ lệ Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100% (18/18).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; - Diện tích khu đất xây dựng trường: 3020 m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: $3020.4/222 = 14.43\text{m}^2/\text{HS}$.

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt $14.43\text{m}^2/\text{HS}$.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có:

Stt	Khối lớp	Số lượng	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Khối lớp 1	50	50	40
2	Khối lớp 2	59	59	50
3	Khối lớp 3	12	12	10
4	Khối lớp 4	12	12	10
5	Khối lớp 5	55	55	50
Thiết bị dùng chung		188	188	160

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. **d1.**

Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

e) d1.1. Khối 1

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 1, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

3	Toán 1, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 1 (Cánh diều)
8	Mĩ thuật 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 1 (Cánh diều)
10	Giáo dục thể chất 1 (Cánh diều)

d1.2. Khối 2

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 2, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 2, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 2, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 2, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

d1.3. Khối 3:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 3, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 3, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 3, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 3, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

6	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 3 - Global Success - SHS tập 1
14	Tiếng anh 3- Global Success - SHS tập 2

d1.4. Khối 4:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 4, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 4, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 4, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 4, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 4 - Global Success
14	Khoa học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
15	Lịch sử và Địa lý 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

d1.4. Khối 5:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 5, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 5, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

3	Toán 5, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 5, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 5 - Global Success
14	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
15	Lịch sử và Địa lý 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

d2. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu lựa chọn, sử dụng:

STT	Tên danh mục	KK 30/05/2025	Chất lượng	Kết quả KK	Chất lượng	Ghi chú
SÁCH THAM KHẢO						
1	Cẩm nang quản lí và lãnh đạo nhà trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới GD	70%	75%	1	70%	
2	Tài liệu tập huấn đổi mới SHCM (dùng cho CBQL và GVTH)	70%	75%	2	70%	
3	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
4	Dạy học phát triển năng lực môn Toán (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
5	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và địa lí (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
6	Dạy học phát triển năng lực môn Khoa học (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
7	Dạy học phát triển năng lực môn Tự nhiên và xã hội (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
8	Dạy học phát triển năng lực môn Đạo đức (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
9	Dạy và học tích cực - Một số phương pháp dạy và kĩ thuật DH	70%	75%	2	70%	
10	Thiết kế bài học phát triển năng lực HS tiểu học	70%	75%	2	70%	

1	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường học	70%	75%	2	70%	
2	Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học	70%	75%	2	70%	
5	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở trường tiểu học	70%	75%	2	70%	
7	Chữ viết và dạy chữ viết ở trường tiểu học	70%	75%	2	70%	
8	Chuyên đề bồi dưỡng HS giỏi Toán ở Tiểu học	70%	75%	2	70%	
9	Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng Việt ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
10	Tổ chức GD ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học	70%	75%	2	70%	
11	Dạy học khoa học 4 hấp dẫn và lí thú	70%	75%	2	70%	
12	Dạy học khoa học 5 hấp dẫn và lí thú	70%	75%	2	70%	
13	Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức anh nghề nghiệp GV tiểu học hạng 2	70%	75%	2	70%	
14	Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức anh nghề nghiệp GV tiểu học hạng 3	70%	75%	2	70%	
15	Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức anh nghề nghiệp GV tiểu học hạng 4	70%	75%	2	70%	
16	Kỹ thuật dạy Tiếng Anh cho HS tiểu học (dành cho GV tiểu học ,SV ,CB giảng dạy)	70%	75%	2	70%	
17	Từ điển Anh - Việt 10000 từ thông dụng	70%	75%	2	70%	
18	Từ điển chính tả học sinh	70%	75%	2	70%	
19	Từ điển thành ngữ học sinh	70%	75%	2	70%	
20	Từ điển giải thích thành ngữ gốc Hán	70%	75%	2	70%	
21	Sổ tay kiến thức lịch sử ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
22	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
23	Sổ tay kiến thức Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
24	Sổ tay chính tả tiểu học	70%	75%	2	70%	
25	Sổ tay Tiếng Anh 3	70%	75%	2	70%	
26	Sổ tay Tiếng Anh 4	70%	75%	2	70%	
27	Sổ tay Tiếng Anh 5	70%	75%	2	70%	
28	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học lớp 4,5	70%	75%	2	70%	
29	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
30	Sổ tay kiến thức Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	70%	75%	2	70%	

31	Sổ tay chính tả tiểu học	70%	75%	2	70%	
32	Sổ tay Tiếng Anh 3	70%	75%	2	70%	
33	Sổ tay Tiếng Anh 4	70%	75%	2	70%	
34	Sổ tay Tiếng Anh 5	70%	75%	2	70%	
35	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học lớp 4,5	70%	75%	2	70%	
II. SÁCH DÀNH CHO HỌC SINH						
1	100 Đề kiểm tra Toán 1	2	75%	2	70%	
2	Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi 1	2	75%	2	70%	
3	Toán phát triển trí thông minh 1	2	75%	2	70%	
4	150 bài văn hay 2	2	75%	2	70%	
5	100 Đề Kiểm tra Toán 2	2	75%	2	70%	
6	Phát triển và nâng cao Toán 2	2	75%	2	70%	
7	Phát triển và nâng cao Tiếng Việt 2/1	2	75%	2	70%	
8	Phát triển và nâng cao Tiếng Việt 2/2	2	75%	2	70%	
9	Tuyển chọn các bài Toán hay và khó 2	2	75%	2	70%	
10	Bồi dưỡng học sinh giỏi Văn - Tiếng việt 2	2	75%	2	70%	
11	Bồi dưỡng Văn - Tiếng việt 2/1	2	75%	2	70%	
12	Bồi dưỡng Văn - Tiếng việt 2/2	2	75%	2	70%	
13	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 2	2	75%	2	70%	
14	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 2	2	75%	2	70%	
15	10 Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi văn - tiếng việt 2	2	75%	2	70%	
16	Đề học giỏi Toán 2	2	75%	2	70%	
17	Đề kiểm tra học kì Tiếng việt ,toán 2	2	75%	2	70%	
18	Em muốn thành trạng nguyên nhỏ tuổi lớp 2	2	75%	2	70%	
19	Luyện tập Toán - Tiếng Việt -tiếng anh lớp 2	2	75%	2	70%	
20	500 bài Toán trắc nghiệm 2	2	75%	2	70%	
21	100 Đề kiểm tra Toán 3	2	75%	2	70%	
22	100 Đề kiểm tra Tiếng anh 3	2	75%	2	70%	
23	Nâng cao và phát triển Toán 3	2	75%	2	70%	
24	Nâng cao và phát triển Tiếng Việt 3/1	2	75%	2	70%	
25	Nâng cao và phát triển Tiếng Việt 3/2	2	75%	2	70%	
26	Toán phát triển trí thông minh 3	2	75%	2	70%	
27	Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 3	2	75%	2	70%	

28	Đề học giỏi Toán 3	2	75%	2	70%	
29	Đề kiểm tra học kì Toán, Tiếng Việt 3	2	75%	2	70%	
30	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 3	2	75%	2	70%	
31	199 Bài và đoạn văn hay 3	2	75%	2	70%	
32	Em muốn trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi lớp 3	2	75%	2	70%	
33	Học tốt Tiếng anh 3	2	75%	2	70%	
34	Luyện tập Toán - Tiếng Việt -tiếng anh lớp 3(trong hè)	2	75%	2	70%	
35	Kể chuyện theo truyện đọc hàng tuần lớp 3	2	75%	2	70%	
36	Đề thi và đáp án bồi dưỡng học sinh giỏi Toán lớp 3	2	75%	2	70%	
37	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 3	2	75%	2	70%	
38	100 Đề kiểm tra Toán 4	2	75%	2	70%	
39	100 Đề kiểm tra Tiếng anh 4	2	75%	2	70%	
40	nâng cao và phát triển Toán 4	2	75%	2	70%	
41	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 4/1	2	75%	2	70%	
42	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 4/2	2	75%	2	70%	
43	Bộ đề kiểm tra Tiếng anh 4	2	75%	2	70%	
44	Tuyển tập các bài Toán hay và khó 4	2	75%	2	70%	
45	Đề kiểm tra học kì môn Tiếng Việt ,Toán 4/1	2	75%	2	70%	
46	Đề kiểm tra học kì môn Tiếng Việt ,Toán 4/2	2	75%	2	70%	
47	Giúp em học giỏi Toán 4	2	75%	2	70%	
48	199 Bài và đoạn văn hay lớp 4	2	75%	2	70%	
49	Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 4	2	75%	2	70%	
50	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 4	2	75%	2	70%	
51	Tuyển chọn bài văn miêu tả 4	2	75%	2	70%	
52	Em muốn trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi lớp 4	2	75%	2	70%	
53	Học tốt Tiếng anh lớp 4	2	75%	2	70%	
54	Luyện tập Toán - Tiếng việt - Tiếng anh lớp 4 (trong hè)	2	75%	2	70%	
55	Kể chuyện theo truyện đọc hàng tuần lớp 4	2	75%	2	70%	
56	Đề thi và đáp án bồi dưỡng học sinh giỏi Toán lớp 4	2	75%	2	70%	
57	Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi 4	2	75%	2	70%	

58	Tuyển chọn các bài Toán đố 4	2	75%	2	70%	
59	Giúp em giỏi luyện từ & câu 4	2	75%	2	70%	
60	Kể truyện theo truyện đọc hàng tuần lớp 4	2	75%	2	70%	
61	100 Đề kiểm tra Toán 5	2	75%	2	70%	
62	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 5/1	2	75%	2	70%	
63	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 5/2	2	75%	2	70%	
64	Bộ đề kiểm tra Tiếng anh 5	2	75%	2	70%	
65	Toán nâng cao và bồi dưỡng HS giỏi lớp 5	2	75%	2	70%	
66	Bồi dưỡng học sinh giỏi Văn - Tiếng việt 5	2	75%	2	70%	
67	Bồi dưỡng HS giỏi Toán 5 theo chuyên đề số đo thời gian	2	75%	2	70%	
68	Bồi dưỡng HS giỏi Toán 5 theo chuyên đề hình học	2	75%	2	70%	
69	Bồi dưỡng HS giỏi Toán 5 theo chuyên đề số tự nhiên	2	75%	2	70%	
70	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 5	2	75%	2	70%	
71	Giúp em giải Toán 5	2	75%	2	70%	
72	Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng anh lớp 5 theo chuyên đề	2	75%	2	70%	
73	Luyện giải bộ đề kiểm tra định kì Tiếng Anh 5	2	75%	2	70%	
74	Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 5	2	75%	2	70%	
75	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 5	2	75%	2	70%	
76	Luyện tập Toán - Tiếng Việt - Tiếng Anh lớp 5 (trong hè)	2	75%	2	70%	
77	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Tiểu học tập 1	2	75%	2	70%	
78	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Tiểu học tập 2	2	75%	2	70%	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá; a1. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 1. a2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực

hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. b1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

- Kết quả đánh giá ngoài: Cấp độ 1.

- Công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 1. b2. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. b2.1. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm:

b2.2. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm: Thực hiện hoàn thành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm.

b2.3. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm:

Thực hiện hoàn thành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) *Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; Nhà trường không thực hiện.*

b) *Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; Nhà trường không thực hiện.*

c) *Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.*

Nhà trường không thực hiện

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) *Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: a1. Kết quả tuyển sinh:*

Stt	Khối lớp	Kết quả tuyển sinh	
		Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Lớp 1	44	39
Tổng cộng		44	39

a2. *Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật:*

Khối	Tổng số học sinh									
	Năm báo cáo					Năm trước liền kề				
	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số Nam/Nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số Nam/Nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
1	44	44	17/27	26	1	39	39	19/20	25	
2	37	37	17/20	23		35	35	17/18	20	1
3	38	38	20/18	23	2	48	48	22/26	29	
4	45	45	23/22	28		57	57	31/26	26	2
5	58	58	32/26	27	1	56	56	26/30	30	
Tổng	222	222	109/113	127	4	235	235	115/120	130	4

a3. Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS chuyển trường	Tiếp nhận	HS chuyển trường	Tiếp nhận
1	/	44	1	39
2	3	37	1	35
3	0	38	2	48
4	4	45	2	57
5	2	58	0	56
Tổng	9	222	6	235

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; b1. Thống kê kết quả đánh giá học sinh:

** Kết quả học tập (Học lực) Năm học 2024 – 2025:*

Khối 1

Môn	1A1			1A2		
	HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT

	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%
Tiếng việt	1 7	8 5	3	1 5	0	0	1 6	84, 2	3	15, 8	0	0
Toán	1 7	8 5	3	1 5	0	0	1 7	89, 5	2	10, 5	0	0
TN& XH	16	8 0	4	2 0	0	0	1 5	78, 9	4	21, 1	0	0
Đạo đức	16	8 0	4	2 0	0	0	1 6	84, 2	3	15, 8	0	0
Âm nhạc	1 5	7 5	5	2 5	0	0	1 5	78, 9	4	21, 1	0	0
Mĩ thuật	1 5	7 5	5	2 5	0	0	1 6	84, 2	3	15, 8	0	0
GDTC	16	8 0	4	2 0	0	0	1 5	78, 9	4	21, 1	0	0
HĐTN	1 7	8 5	3	1 5	0	0	1 5	78, 9	4	21, 1	0	0

Khối 2

Môn	2A					
	HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng việt	33	97,0	1	3,0	0	0
Toán	32	94,1	2	5,6	0	0
TN&XH	26	76,5	8	23,5	0	0
Đạo đức	24	70,5	10	29,5	0	0
Âm nhạc	23	67,7	11	32,3	0	0
Mĩ thuật	25	73,5	9	26,5	0	0
GDTC	24	70,5	10	29,5	0	0
HĐTN	24	70,5	10	29,5	0	0

Khối 3

Môn	3A1						3A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%
Tiếng việt	1 5	65, 2	8	34, 8	0	0	2 0	8 0	5	2 0	0	0
Toán	1 8	78, 3	5	21, 7	0	0	1 3	5 2	1 2	4 8	0	0

Ngoại ngữ	1 4	60, 8	9	39, 1	0	0	1 8	7 2	7	2 8	0	0
Tin	1 5	65, 2	8	34, 8	0	0	1 6	6 4	9	3 6	0	0
TN&XH	1 4	60, 8	9	39, 1	0	0	1 5	6 0	1 0	4 0	0	0
Đạo đức	1 4	60, 8	9	39, 1	0	0	1 5	6 0	1 0	4 0	0	0
Âm nhạc	1 6	69, 6	7	30, 4	0	0	1 8	7 2	7	2 8	0	0
Công nghệ	1 6	69, 6	7	30, 4	0	0	1 5	6 0	1 0	4 0	0	0
Mĩ thuật	1 5	65, 2	8	34, 8	0	0	1 7	6 8	8	3 2	0	0
GDTC	1 5	65, 2	8	34, 8	0	0	1 4	5 6	1 1	4 4	0	0
HĐTN	1 5	65, 2	8	34, 8	0	0	1 4	5 6	1 1	4 4	0	0

Khối 4

Môn	4A1						4A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%
Tiếng việt	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	2 0	69	9	31	0	0
Toán	1 8	66 ,7	9	33 ,3	0	0	1 8	62 ,1	1 1	37 ,9	0	0
Ngoại ngữ	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	1 9	65 ,5	1 0	34 ,5	0	0
Tin	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	2 0	69	9	31	0	0
Khoa học	1 9	70 ,3	8	29 ,7	0	0	2 2	75 ,9	7	24 ,1	0	0

LS& ĐL	1 7	62 ,9	1 0	37 ,1	0	0	2 1	72 ,4	8	27 ,6	0	0
Đạo đức	1 8	66 ,7	9	33 ,3	0	0	2 0	69	9	31	0	0
Âm nhạc	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	2 1	72 ,4	8	27 ,6	0	0
Công nghệ	1 8	66 ,7	9	33 ,3	0	0	1 8	62 ,1	1 1	37 ,9	0	0
Mĩ thuật	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	1 8	62 ,1	1 1	37 ,9	0	0
GDT C	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	1 9	65 ,5	1 0	34 ,5	0	0
HĐT N	1 6	59 ,2	1 1	40 ,8	0	0	1 8	62 ,1	1 1	37 ,9	0	0

Khối 5

Mô n	5A1						5A2					
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%
Tiế ng Việt	2 4	82, 7	5	17, 3	0	0	1 8	66, 7	9	33, 3	0	0
Toá n	2 2	75, 8	7	24, 2	0	0	1 6	59, 2	1 1	40, 8	0	0
Kho a học	2 3	79, 3	6	20, 7	0	0	1 6	59, 2	1 1	40, 8	0	0
LS \$ ĐL	2 2	75, 8	7	24, 2	0	0	1 6	59, 2	1 1	40, 8	0	0
Đạo đức	2 3	79, 3	6	20, 7	0	0	1 6	59, 2	1 1	40, 8	0	0
HĐ TN	2 4	82, 7	5	17, 3	0	0	1 6	59, 2	1 1	40, 8	0	0
Độc sắc h thư viện	2 3	79, 3	6	20, 7	0	0	1 6	59, 2	1 1	40, 8	0	0

Tiếng anh	21	72,4	8	27,6	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0
Tin học	23	79,3	6	20,7	0	0	16	59,2	11	40,8	0	0

*** Năng lực**

+ Những năng lực chung

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Tự chủ và tự học	Tốt	29	23	30	36	40	158
	%	74,4	67,6	62,5	64,3	71,4	67,8
	Đạt	10	11	18	20	16	75
	%	25,6	32,4	37,5	35,7	28,6	32,2
Giao tiếp và hợp tác:	Tốt	31	23	32	36	37	159
	%	79,5	67,6	66,7	64,3	66,1	68,2
	Đạt	8	11	16	20	19	74
	%	20,5	32,4	33,3	35,7	33,9	31,8
GQVĐ và sáng tạo	Tốt	27	24	31	39	38	159
	%	69,2	70,5	64,6	69,6	67,9	68,2
	Đạt	12	10	17	17	18	74
	%	30,8	29,5	35,4	30,4	32,1	31,8

Những năng lực đặc thù

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Ngôn ngữ	Tốt	31	24	31	44	53	183
	%	79,5	70,5	64,6	78,6	94,6	78,5
	Đạt	8	10	17	12	3	50
	%	20,5	29,5	35,4	21,4	5,4	21,5
Tính toán	Tốt	29	23	32	35	38	157
	%	74,4	67,6	66,7	62,5	67,9	67,4
	Đạt	10	11	16	21	18	76
	%	25,6	32,4	33,3	37,5	32,1	32,6
Khoa học/ TNXH	Tốt	33	23	32	38	37	163
	%	84,6	67,6	66,7	67,9	66,1	70
	Đạt	6	11	16	18	19	70
	%	13,4	32,4	33,3	32,1	33,9	30
	Tốt			29	36	40	105

Công nghệ	%			60,4	64,3	71,4	65,6
	Đạt			19	20	16	55
	%			49,6	35,7	28,6	34,4
Tin học	Tốt			28	38	38	104
	%			58,3	67,9	67,9	65
	Đạt			20	18	18	56
	%			41,7	32,1	32,1	35
Thâm mỹ	Tốt	31	25	32	39	42	169
	%	79,5	73,5	66,7	69,6	75	72,5
	Đạt	8	9	16	17	14	64
	%	20,5	26,5	33,3	30,4	25	27,5
Thẻ chất	Tốt	31	24	32	37	40	164
	%	79,5	70,5	66,7	66,1	71,2	70,3
	Đạt	8	10	16	19	16	69
	%	20,5	29,5	33,3	33,9	28,8	29,7

*** Phẩm chất**

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Yêu nước	Tốt	39	34	44	51	52	220
	%	100	100	91,7	91,1	92,9	94,4
	Đạt	0	0	4	5	4	13
	%	0	0	8,3	8,9	7,1	5,6
Nhân ái	Tốt	33	26	45	53	42	199
	%	84,6	76,4	93,8	94,6	75	85,4
	Đạt	6	8	3	3	14	34
	%	15,4	23,6	6,2	5,4	25	14,6
Chăm chỉ	Tốt	31	29	31	35	40	166
	%	79,5	85,2	64,6	62,5	71,4	71,2
	Đạt	8	5	17	21	16	67
	%	20,5	14,8	35,4	37,5	28,6	28,8
Trung thực	Tốt	33	26	32	48	40	179
	%	84,6	76,4	66,7	85,7	71,4	76,8
	Đạt	6	8	16	6	16	52
	%	15,4	23,6	33,3	14,3	28,6	23,2
Trách nhiệm	Tốt	33	29	32	41	39	174
	%	84,6	82,3	66,7	73,2	69,6	74,7
	Đạt	6	6	16	15	17	60
	%	15,4	17,7	33,3	26,8	30,4	25,3

***Học tập**

3A 1	25	24	14	58, 3	10	41, 7	0	0	1 KT
3A 2	29	29	17	58, 6	12	41, 4	0	0	
4A 1	29	29	23	79, 3	6	20, 7	0	0	
4A 2	26	26	17	65, 4	9	34, 6	0	0	
5A 1	21	21	8	38, 1	13	61, 9	0	0	
5A 2	21	21	6	28, 6	15	71, 4	0	0	
Tổ ng	151	150	85	56, 7	65	43, 3	0	0	1KT

***Kết quả môn Tin học**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3A 1	25	24	14	58, 3	10	41 ,7	0	0	1KT
3A 2	29	29	18	62, 1	11	37 ,9	0	0	
4A 1	29	29	25	86, 2	4	13 ,8	0	0	
4A 2	26	26	17	65, 4	9	34 ,6	0	0	
5A 1	21	21	10	47, 6	11	52 ,4	0	0	
5A 2	21	21	10	47, 6	11	52 ,4	0	0	
Tổ ng	151	150	94	62, 7	56	37 ,3	0	0	1KT

***Kết quả môn Công nghệ**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	

3A 1	23	23	14	60, 8	9	39 ,1	0	0	
3A 2	25	25	15	60	10	40	0	0	
4A 1	28	27	16	57,1	12	42,9	0	0	
4A 2	29	29	18	62, 1	11	37 ,9	0	0	
5A 1	29	29	24	82, 7	5	17 ,3	0	0	
5A 2	27	27	16	59, 2	11	40 ,8	0	0	
Tổ ng	151	150	103	68, 7	47	31 ,3	0	0	1KT

b2. Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS được lên lớp	HS không được lên lớp	HS được lên lớp	HS không được lên lớp
1	44	/	39	0
2	37	/	35	0
3	38	/	48	0
4	45	/	57	0
5	58	/	56	0
Tổng	222	/	235	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở; số lượng học sinh trúng tuyển vào trung học phổ thông:

c1. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS được Công nhận HTCT	HS được Cấp bằng TN	HS được Công nhận HTCT	HS được Cấp bằng TN
1	/	/	39	/
2	/	/	35	/
3	/	/	48	/
4	/	/	57	/
5	/	/	56	
Tổng	/	/	235	

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). Nhà trường không thực hiện.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

DVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025 (ước thực hiện)	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2024)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Chi thường xuyên từ ngân sách	4.418.70	3.574.50
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí.		
2	Thu dịch vụ hoạt động sự nghiệp		
3	Thu tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		

IV	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập	3.962.00	3.424.500
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		30.000
1	Chi cho đào tạo, bồi dưỡng		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		120.00
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác	456.70	3.244.10
IV	Chi khác		
C			
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính		
2	Phân phối cho các quỹ		
3	Kinh phí cải cách tiền lương		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông và triển khai dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học. Thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh, của sở GDĐT, UBND xã và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý; triển khai các giải pháp để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất

lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục

giáo dục Tiểu học vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp xã với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Công tác tư tưởng chính trị, thi đua

* Mục tiêu:

Tích cực xây dựng đội ngũ đoàn kết, tương thân tương ái cùng giúp đỡ nhau tiến bộ. Giáo dục học tập và làm theo tấm gương của Bác.

Quán triệt trong đội ngũ thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên phát triển; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo. Thực hiện các quy định về những hành vi giáo viên không được làm theo Điều 38 của Điều lệ trường Tiểu học, chỉ tiêu phấn đấu cụ thể:

* Đối với cá nhân:

+ Đạt LĐTT: 17/17 đạt 100%,

+ Đạt chiến sĩ thi đua cơ sở: 06/17, đạt 35,3%,

+ Bằng khen của UBND tỉnh: 02/17, đạt 11,8%.

+ Giấy khen của giám đốc sở GDĐT: 01/17, đạt 5,9%

* Đối với tập thể:

+ Chi bộ: HTXSNV

+ Nhà trường đạt: Tập thể LĐXS đề nghị UBND tỉnh khen.

+ Liên Đội TNTPHCM: Vững mạnh Xuất sắc đề nghị HĐĐ tỉnh tặng bằng khen

* Nhiệm vụ:

Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức quán triệt trong đội ngũ thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm Pháp luật và đạo đức nhà giáo. Thực hiện các quy định về những hành vi GV không được làm theo Điều 38 của Điều lệ trường Tiểu học.

CBQL, GV, NV phải gương mẫu thực hiện và chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, luôn luôn học tập nâng cao trình độ chuyên môn, chính

trị, nắm vững nội dung Luật giáo dục, Điều lệ trường Tiểu học, Nghị quyết, các Chỉ thị cấp trên.

***Giải pháp:**

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch công tác chính trị tư tưởng, các cuộc vận động và ra Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

CBQL, GV, NV phải tự học tự rèn để nâng cao trình độ tay nghề, hàng ngày truy cập Internet để đọc báo như báo Pháp luật, báo an ninh...đồng thời theo dõi tin thời sự qua đài truyền thanh, truyền hình.

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; các văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các cấp, Ngành giúp đội ngũ thấm nhuần các cuộc vận động lớn do ngành phát động. Thực hiện tốt dân chủ hóa trong trường học, công khai toàn bộ kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chức Hội nghị viên chức đầu năm để đội ngũ biết, tham gia góp ý và thực hiện.

2.2. Huy động duy trì số lượng HS, Phổ cập GDTH, XMC

*** Mục tiêu:**

- Huy động trẻ em đúng 6 tuổi trên địa bàn ra lớp 1: 47/47 đạt tỷ lệ 100%
- Huy động 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp (kể cả HS khuyết tật)
- Hoàn thành chương trình lớp học: 162/162 đạt tỷ lệ 100% (03 KTHN)
 - HS lớp 5 hoàn HTCTTH: 57/57 tỷ lệ 100% (01 KTHN)
 - Trẻ 11-14 tuổi HTCT Tiểu học đạt tỷ lệ 100%

- Duy trì giữ vững PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2

*** Nhiệm vụ:**

- Tiếp tục có biện pháp phối hợp với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt việc huy động và duy trì số lượng học sinh trong độ tuổi ra lớp.
- Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH; hạn chế thấp nhất số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học; duy trì và nâng cao hiệu suất Đào tạo.
 - Bộ phận phụ trách công tác phổ cập nắm chắc số trẻ 6 tuổi ở địa bàn theo phiếu điều tra và danh sách trẻ 5 tuổi học Mẫu giáo.

*** Giải pháp:**

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho GV, NV và nhân dân về thực hiện nhiệm vụ PCGDTH - XMC.
 - Tham mưu cho Ban chỉ đạo cấp xã xây dựng chương trình, kế hoạch, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và triển khai trên địa bàn thị trấn về công tác phổ cập.
- Phối kết hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, với phụ huynh để làm tốt công tác huy động học sinh và đảm bảo tỉ lệ chuyên cần hàng ngày cao.
- Tăng cường công tác quản lý chỉ đạo, công tác kiểm tra đôn đốc, giám sát và theo dõi tiến trình thực hiện kế hoạch phổ cập của nhà trường.

2.3.Chất lượng giáo dục học sinh:

*Mục tiêu:

Năng lực

Tổng số HS 223 em, trong đó có 4 HSKTHN (Khối 1: 01, khối 3: 02, khối 5: 01)
không tham gia đánh giá chất lượng, chỉ tiêu đăng kí như sau:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Tự chủ và tự học	Tốt	32	26	25	44	33	160
	%	74,4	70,3	69,4	95,6	57,9	73,1
	Đạt	11	11	11	2	24	59
	%	25,6	29,7	30,6	4,4	42,1	26,9
Giao tiếp và hợp tác	Tốt	31	28	26	40	35	160
	%	72,1	75,7	72,2	86,9	61,4	73,1
	Đạt	12	9	10	6	22	59
	%	27,9	24,3	27,8	13,1	38,6	26,9
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	26	25	24	40	31	146
	%	60,5	67,7	66,7	86,9	54,4	66,7
	Đạt	17	12	12	6	26	73
	%	39,5	32,3	33,3	13,1	45,6	33,3

- Năng lực đặc thù:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Ngôn ngữ	Tốt	29	33	25	34	34	155
	%	67,4	89,2	69,4	73,9	59,6	70,8
	Đạt	14	4	11	12	23	64
	%	32,6	10,8	30,6	26,1	40,4	29,2
Tính toán	Tốt	28	30	26	30	31	145
	%	65,1	81,1	72,2	65,2	54,4	66,2
	Đạt	15	7	10	16	26	74
	%	34,9	18,9	27,8	34,3	45,6	33,8
TNXH	Tốt	29	26	24	34	33	146
	%	67,4	70,3	66,7	73,9	57,9	66,7

(Khoa học)	Đạt	14	11	12	12	24	73
	%	32,6	29,7	33,3	26,1	42,1	33,3
Công nghệ	Tốt			25	34	31	90
	%			69,4	73,9	54,4	64,7
	Đạt			11	12	26	49
	%			30,6	26,1	45,6	35,3
Tin học	Tốt			26	30	29	85
	%			72,2	65,2	50,9	61,2
	Đạt			10	16	28	54
	%			27,8	34,8	49,1	38,8
Thẩm mĩ	Tốt	27	26	24	30	27	134
	%	62,8	70,3	66,7	65,2	47,4	61,2
	Đạt	16	11	12	16	30	85
	%	37,2	29,7	33,3	34,8	52,6	38,8
Thể chất	Tốt	30	30	25	34	31	150
	%	69,8	81,1	69,4	73,9	54,4	68,5
	Đạt	13	7	11	12	26	69
	%	30,2	18,9	30,6	26,1	45,6	31,5

-Phẩm chất:

Tổng số HS 223 em, trong đó có 4 HSKTHN (Khối 1: 01, khối 3: 02, khối 5: 01) không tham gia đánh giá chất lượng, chỉ tiêu đăng kí như sau:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Yêu nước	Tốt	44	37	36	46	54	217
	%	100	100	100	100	94,7	98,6
	Đạt	0	0	0	0	3	3
	%	0	0	0	0	5,3	1,4
Nhân ái	Tốt	35	32	27	40	49	183
	%	81,4	86,5	75	87	86	83,6
	Đạt	8	5	9	6	8	36
	%	18,6	13,5	25	13	14	16,4
Chăm	Tốt	36	32	28	44	41	181
	%	83,7	86,5	77,8	95,6	71,9	82,6

chỉ	Đạt	7	5	8	2	16	38
	%	16,3	13,5	22,2	4,3	28,1	17,4
Trung thực	Tốt	34	32	26	44	46	182
	%	79,1	86,5	72,2	95,6	80,7	83,1
	Đạt	9	5	10	2	11	37
	%	20,9	13,5	27,8	4,3	19,3	16,9
Trách nhiệm	Tốt	37	28	25	40	44	174
	%	86	75,7	69,4	87	77,2	79,5
	Đạt	6	9	11	6	13	45
	%	14	24,3	30,6	13	22,8	20,5

-Kết quả giáo dục

Tổng số HS 223 em, trong đó có 4 HSKTHN (Khối 1: 01, khối 3: 02, khối 5: 01) không tham gia đánh giá chất lượng, chỉ tiêu đăng kí như sau:

Kh ô i	H S Đ G	Xuất sắc		HTT		Hoàn thành		CHT		GG h i chú
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	43	10	23,3	17	39,5	16	37,2	0	0	
2	37	12	32,4	16	43,2	9	24,4	0	0	
3	36	10	27,8	14	38,9	12	33,3	0	0	
4	46	8	17,4	17	37	21	45,6	0	0	
5	57	11	19,3	20	35,1	26	45,6	0	0	
Tổ ng	219	51	23,2	84	38,4	84	38,4	0	0	

- Môn Tiếng Anh: Tổng số HS 142 học sinh, KTHN: 03

Khối	TS HS	TSH S xếp loại	HTT		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3	38	36	20	55,6	16	44,4	0	0	

4	46	46	24	52,1	22	47, 9	0	0	
5	58	57	29	50,9	28	49, 1	0	0	
Tổng	142	139	73	52,5	66	47, 5	0	0	

- Môn Tin học: Tổng số HS 142 học sinh, KTHN: 03

Khối	TS HS	TSH S xếp loại	HTT		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3	38	36	25	69,4	11	30, 6	0	0	
4	46	46	24	52,1	22	47, 9	0	0	
5	58	57	29	50,9	28	49, 1	0	0	
Tổng	142	139	78	56,1	61	43, 9	0	0	

-Môn Công nghệ: Tổng số HS 142 học sinh, KTHN: 03

Khối	TS HS	TSH S xếp loại	HTT		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3	38	36	25	69,4	11	30, 6	0	0	
4	46	46	24	52,1	22	47, 9	0	0	
5	58	57	31	54,4	26	45, 6	0	0	
Tổng	142	139	80	57,5	59	42,	0	0	

						5			
--	--	--	--	--	--	---	--	--	--

- Tỷ lệ học sinh viết chữ đẹp:

Khối	TS HS	HS XL	VSCĐ xếp loại A		VSCĐ xếp loại B		VSCĐ xếp loại C		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	
Khối 1	44	43	25	58,1	15	34,9	3	7,0	
Khối 2	37	37	24	64,9	13	35,1	0	0	
Khối 3	38	36	20	55,5	16	44,5	0	0	
Khối 4	46	46	16	34,8	20	43,5	10	21,7	
Khối 5	58	57	20	35,1	25	43,8	12	21,1	
Tổng	223	219	105	48,0	89	40,6	25	11,4	

- Hoàn thành chương trình lớp học: 162/162 HS, đạt 100%; KTHN: 03

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 57/57 HS, đạt 100%, KTHN: 01

- Số học sinh được khen thưởng: 120/219 đạt 54,8%:

Xuất sắc: 55/219 đạt 25,1%

Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 65/219 đạt 29,7%

- HS đạt danh hiệu CNBH: 214/219 đạt 97,7%

- Học sinh có năng khiếu về Âm nhạc: 33/219 đạt 15,1%

- Học sinh có năng khiếu về Mỹ thuật: 35/219 đạt 16,0%

- Học sinh có năng khiếu về Giáo dục thể chất: 39/219 đạt 17,8%

- Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 9/9 đạt 100%

- Tổ chức và tham gia các hội thi của học sinh

Thi giải Toán trên mạng, hi Olympic Tiếng Anh, Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt do các cấp tổ chức

*Nhiệm vụ:

- Học tập:

+ Thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh theo từng khối lớp, giáo viên chủ động phân loại đối tượng học sinh để tổ chức hướng dẫn học sinh tự học cá nhân, học cặp đôi, thảo luận nhóm, áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy nhằm hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học nhẹ nhàng, hiệu quả.

+ Bồi dưỡng học sinh năng khiếu: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh ngay từ đầu năm học. Thành lập đội tuyển mũi nhọn về các môn Toán, Tiếng Việt. Đội tuyển thi giải Toán, Tiếng Anh trên mạng. Tuyển chọn đội năng khiếu theo các môn: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục. Bồi dưỡng và thành lập các đội năng khiếu của trường.

- **Năng lực** (Hình thành cho các em các năng lực):

+ Tự phục vụ, tự quản: có ý thức tự phục vụ, chuẩn bị đủ và biết giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập, tự tham gia và chấp hành sự phân công của trường, lớp.

+ Giao tiếp hợp tác: có sự tiến bộ khi giao tiếp, nói to, rõ ràng hỏi thầy cô khi không hiểu bài, tích cực giúp đỡ bạn cùng học tập tốt.

+ Tự học và giải quyết vấn đề: Biết tự học tự hoàn thành nhiệm vụ học tập, biết tự đặt câu hỏi và tìm tòi câu trả lời.

- **Phẩm chất** (Đảm bảo các nội dung sau):

Yêu nước: Yêu thiên nhiên, di sản, yêu người dân đất nước mình; tự hào và bảo vệ thiên nhiên di sản, con người.

Nhân ái: Nhân ái là biết yêu thương, đùm bọc mọi người; yêu cái đẹp, yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt; cảm thông, độ lượng và sẵn lòng giúp đỡ người khác.

Chăm chỉ: Đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc của tập thể. Vượt khó trong công việc.

Trung thực: Tôn trọng lễ phép, lên án sự gian lận, thật thà ngay thẳng trong học tập và làm việc.

Trách nhiệm: Bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường. Không đổ lỗi cho người khác.

2.3.3. Giải pháp

- **Học tập:**

Tổ chức họp phụ huynh HS để thông qua chỉ tiêu, phương hướng hoạt động của lớp và của nhà trường để phụ huynh phối kết hợp trong việc giáo dục HS và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Làm tốt công tác giáo dục liên kết giữa 3 môi trường: Nhà trường - Gia đình - Xã hội tạo một môi trường GD khép kín.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu Tiếng việt để lôi cuốn thu hút học sinh tham gia, xem băng hình những gương người tốt việc tốt, phê phán những thói hư tật xấu để giáo dục học sinh.

Chỉ đạo giáo viên nhắc nhở học sinh sử dụng SGK theo thời khóa biểu, tránh quá tải về sách bài tập và sách tham khảo.

Có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng, phụ đạo HS. Cử chọn những GV có trình độ chuyên môn vững vàng có kiến thức, có trách nhiệm bồi dưỡng HS năng khiếu.

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục trên lớp; tăng cường tổ chức thực hành,

trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới, phương pháp Sơ đồ tư duy, trò chơi học tập, đóng vai, trải nghiệm môn học...; đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục môi trường, Quốc phòng an ninh theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, môi trường biên, hải đảo; biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, kỹ năng sống, đạo đức Hồ Chí Minh, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, văn hoá dân tộc (Tuyên truyền phổ biến công tác xây dựng Bản du lịch cộng đồng Bản Lồng- xã Toả tình...) vào các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo hợp lý, nhẹ nhàng, hiệu quả.

- **Năng lực:** Thường xuyên tổ chức học nhóm trong lớp; chú trọng công tác tự quản; Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các buổi sinh hoạt tập thể; tham gia tích cực các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ do lớp và nhà trường tổ chức; Tổ chức các cuộc thi “Thuyết trình giỏi” do Đội thiếu niên đảm nhiệm.

- **Phẩm chất:** Giáo dục học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy; tuyên truyền giáo dục đạo đức học sinh qua các tấm gương sáng; giáo dục truyền thống tốt đẹp của gia đình, quê hương, đất nước; Nêu gương học sinh có tinh thần trách nhiệm trước tập thể.

2.4. Chất lượng đội ngũ

* Mục tiêu:

- **Xếp loại CBQL theo chuẩn Hiệu trưởng:**

Tốt: 01/01 đạt 100%

Khá: 0/01 chiếm 0%

- Xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học:

Tốt: 13/13 đạt 100%

Khá: 0/13 đạt 0%

Đạt: 0/13 chiếm 0%

- Xếp loại Viên chức theo NĐ 90/2020: 17/18 (01 HĐ ngắn hạn không xếp loại)

Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 3/17 đạt 17,6%

Hoàn thành Tốt nhiệm vụ: 14/17 đạt 82,4%

Hoàn thành nhiệm vụ: 0/17 chiếm 0%

- Xếp loại bồi dưỡng thường xuyên:

Cán bộ quản lý xếp loại Đạt: 01/01, đạt 100%

Giáo viên xếp loại Đạt: 13/13, đạt 100%

- Giáo viên giỏi các cấp:

Cấp trường: 13/13 đạt 100%, trong đó:

Cấp huyện duy trì: 4/13 đạt 30,8%(N.Phương, Huế, Toàn, Lan).

Cấp tỉnh duy trì: 03/13 đạt 23,1% (Liên, Hương, Tranh).

Số GV có sáng kiến công nhận các cấp 06/13 đạt 46,2%

- Chất lượng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh:

BGH: Tốt 01/01 đạt 100%; Khá: 0/01, đạt 0%

Tổ trưởng: Tốt 2/2 đạt 100%; Khá: 0/2, đạt 0%

Giáo viên: Tốt 13/13 đạt 100%; Khá: 0/13 đạt 0%

* Nhiệm vụ:

- Phần đầu đạt chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT, đạt chuẩn giáo viên theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT.

- Có kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Chú trọng bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu của các cấp.

- Triển khai thực hiện tốt công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học được ban hành theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý tiểu học ban hành theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/7/2019; Công tác sinh hoạt chuyên môn quy định tại Văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Bồi dưỡng có trọng tâm, tập trung vào các vấn đề mới, những vấn đề thực tiễn đội ngũ đang gặp khó khăn; đảm bảo tính kế thừa và tính hệ thống giữa những nội dung bồi dưỡng.

- Triển khai kế hoạch cụ thể, quy định về hồ sơ kịp thời, khoa học.

- *Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDĐT ngày 22/3/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học, hướng dẫn giáo viên tổ chức dạy học STEM, sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ Website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.*

- **Bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên:**

Chương trình bồi dưỡng 1 (40 tiết)

a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động dạy học nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết cho học sinh tiểu học có đáp ứng về giới (14 tiết).

+ Đối tượng: CBQL, giáo viên trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo

+ Địa điểm: Văn phòng trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo

+ Hình thức: Trực tuyến

+ Thời gian: tháng 10/2025 đến tháng 5/2026

b) Tập huấn tổ chức và phương pháp dạy lồng ghép nội dung GDQPAN trong các môn: Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lý, Nghệ thuật, Đạo đức (trừ giáo viên dạy tiếng Anh) (12 tiết).

- + Đối tượng: CBQL, giáo viên trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
- + Địa điểm: Văn phòng trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
- + Hình thức: Trực tuyến
- + Thời gian: Tháng 18/8/2025
- c) Tập huấn phương pháp tổ chức tiết dạy thư viện nhằm tăng cường năng lực phẩm chất cho học sinh tiểu học (14 tiết).
 - + Đối tượng: CBQL, giáo viên trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Địa điểm: Trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Hình thức: Trực tiếp
 - + Thời gian: Tháng 8/2025
- d) Bồi dưỡng sử dụng nguồn học liệu số và Ứng dụng AI vào giảng dạy môn Tiếng Anh cấp Tiểu học đáp ứng Chương trình GDPT 2018 (12 tiết).
 - + Đối tượng: Giáo viên TA trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Địa điểm: Sở GD&ĐT
 - + Hình thức: Trực tiếp
 - + Thời gian: 13/8/2025

Chương trình bồi dưỡng 2 (40 tiết)

- a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm tăng cường kỹ năng đọc viết cho học sinh tiểu học có đáp ứng về giới (14 tiết)
 - + Đối tượng: CBQL, giáo viên trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Địa điểm: Văn phòng trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Hình thức: Trực tuyến
 - + Thời gian: Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026
- b) Tập huấn phương pháp lồng ghép Ứng dụng “Vui đọc cùng em” trong môn Tiếng Việt nhằm đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (14 tiết).
 - + Đối tượng: CBQL, giáo viên trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Địa điểm: Văn phòng trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Hình thức: Trực tiếp + trực tuyến
 - + Thời gian: Từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025
- c) Xây dựng môi trường dạy học sáng tạo và tổ chức tiết dạy sáng tạo ở trường Tiểu học (12 tiết).
 - + Đối tượng: CBQL, giáo viên trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo
 - + Địa điểm: Văn phòng trường Tiểu học Số 2 Tuần Giáo

+ Hình thức: Trực tuyến

+ Thời gian: Từ tháng 10/2025 đến tháng 5/2026

Chương trình bồi dưỡng 3 (40 tiết)

*** Đối với CBQL**

QLPT 18: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường

+ Thời gian: từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026

+ Hình thức: Tự học

- Đăng ký tự bồi dưỡng theo mô đun trên TEMIS để đảm bảo 120 tiết. Đã bồi dưỡng 15 tiết ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI vào quản lý và dạy học theo công văn số 900/NGCBQLGD-PTNGCB ngày 24/6/2025 của Bộ GD&ĐT (Nếu có chứng nhận).

*** Bồi dưỡng GV**

- Đối với giáo viên: Bồi dưỡng mô đun GVPT 06: Kiểm tra đánh giá học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh - Tài liệu theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT.

+ Thời gian: từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026

+ Hình thức: Tự học.

- Đăng ký tự bồi dưỡng theo mô đun trên TEMIS để đảm bảo 120 tiết. Đã bồi dưỡng 15 tiết ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI vào quản lý và dạy học theo công văn số 900/NGCBQLGD-PTNGCB ngày 24/6/2025 của Bộ GD&ĐT (Nếu có chứng nhận).

- **Triển khai Nghị định** của Chính Phủ về chính sách tinh giảm biên chế.

- Quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ:

Thực hiện nghiêm túc các bước tiến hành quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ theo công văn hướng dẫn của cấp trên.

*** Giải pháp:**

- Tổ chức triển khai quán triệt sâu sắc trong đội ngũ VCQL và GV nắm vững yêu cầu, mục đích cũng như quá trình thực hiện tự đánh giá theo chuẩn Hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học một cách thật sự nghiêm túc. Nhà trường tổ chức cho mỗi cá nhân thực hiện tốt khâu tự đánh giá theo quy trình vào cuối năm. Tạo điều kiện bồi dưỡng để nhằm hoàn thiện và đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện chương trình GDPT mới, *dạy học phân loại đối tượng học sinh, dạy học theo hướng phát triển năng lực.*

- Triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông thông qua sinh hoạt chuyên môn trường, tổ, trong quá trình giảng dạy học.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện nghiêm túc Ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn bài đối với những giáo viên được phép soạn bài trên máy tính. Giáo án soạn theo mẫu quy định chung toàn

trường. Sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ đảm bảo có chất lượng hiệu quả, thực hiện tốt các chuyên đề từ cấp tổ đến cấp trường.

- Tiếp tục nghiên cứu và tổ chức thi GVĐG cấp trường theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019; phát huy tính sáng tạo của giáo viên trong việc thực hiện phương pháp dạy học mới theo chuẩn kiến thức kỹ năng quy định.

- Phân loại GV theo trình độ CM, khả năng của từng giáo viên kết hợp với thực lực chuyên môn. Mỗi tổ chuyên môn xây dựng đội ngũ GV cốt cán làm nòng cốt của tổ. Những GV cốt cán này có nhiệm vụ bồi dưỡng các thành viên của tổ.

- Tăng cường công tác kiểm tra dự giờ đột xuất, thường xuyên để đánh giá chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh. Bồi dưỡng kịp thời những GV còn hạn chế về CM nghiệp vụ qua các chuyên đề tổ, trường tư vấn thúc đẩy kịp thời.

- Tổ chức đánh giá thi đua cuối năm và xếp loại giáo viên theo các tiêu chí chuẩn; Triển khai thực hiện tốt công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học được ban hành theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019; Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý ban hành theo Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 1/11/2019 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý ban hành theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019.

* Tranh thủ sự quan tâm của chi bộ, công tác phối hợp với công đoàn và các đoàn thể trong nhà trường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho viên chức nắm vững nội dung, nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa của chính sách tinh giảm biên chế và trách nhiệm của mình trong việc tổ chức thực hiện.

* Chủ động rà soát quy hoạch cán bộ. Tổ chức đánh giá CBQL, giáo viên tham gia quy hoạch.

2.5. Cơ sở vật chất, thiết bị, SGK

* Mục tiêu:

- 100% học sinh có đủ sách giáo khoa để học tập.

- 100% giáo viên mượn và sử dụng hiệu quả đồ dùng, thiết bị dạy học.

- 100% học sinh các lớp tham gia đọc sách ở thư viện; các lớp tham gia ngày hội đọc sách.

- 100% lớp học có đủ lớp học, bàn ghế, trang trí đúng quy định.

- Phân đầu xây dựng Thư viện tiên tiến, phòng thiết bị đảm bảo khoa học, sạch sẽ, gọn gàng và hiệu quả.

- 100% học sinh giữ và sử dụng tốt sách giáo khoa và đồ dùng học tập.

* Nhiệm vụ:

- Sách: SGK Chương trình GDPT 2018 - Bộ sách Kết nối tri thức.

(Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp 1,2,3,4,5 có danh mục Sách giáo khoa quy định kèm theo).

- Nhà trường xây dựng tủ sách dùng chung; bảo đảm ngay từ khi bước vào năm học tất cả học sinh đều có sách giáo khoa để học tập. Giáo viên cần hướng dẫn sử dụng sách, vở hàng ngày để các em không phải mang theo nhiều sách, vở khi tới trường; sử dụng có hiệu quả sách và tài liệu của thư viện.

- *Thư viện:*

+ Thực hiện có hiệu quả tiết đọc sách thư viện để giới thiệu sách đến tất cả giáo viên và học sinh.

+ Thực hiện mô hình “thư viện xanh”, “thư viện thân thiện”,... phù hợp điều kiện thực tế. Rèn luyện học sinh có thói quen và yêu thích đến thư viện, xây dựng văn hóa đọc bằng nhiều hình thức phong phú.

+ Sắp xếp sách, thiết bị ngăn nắp khoa học theo danh mục để dễ tìm. Có đủ danh mục thiết bị, SGK, sách tham khảo.

+ Rèn luyện học sinh có thói quen và yêu thích đến thư viện, xây dựng văn hóa đọc (bằng nhiều hình thức phong phú).

- *Thiết bị dạy học:*

+ Bảo đảm thiết bị và đồ dùng dạy học theo yêu cầu tối thiểu.

+ Có kế hoạch sửa chữa, đề nghị trang cấp bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

+ Có sổ sách theo dõi, ghi nhận số lần sử dụng các thiết bị dạy học.

+ Tích cực làm mới các đồ dùng dạy học bằng vật liệu sẵn có.

+ Bảo quản tốt và sử dụng hiệu quả đàn Piano kỹ thuật số trong giờ học âm nhạc và các hoạt động giáo dục khác.

* *Giải pháp:*

- Kiện toàn tổ thư viện, nhân viên phụ trách thư viện nghiên cứu và xây dựng kế hoạch thực hiện. Sắp xếp sách ngăn nắp, thư viện luôn sạch sẽ, thu hút GV, NV, HS thường xuyên đến đọc sách. Tuyên truyền phong trào “Giữ và sử dụng hiệu quả sách giáo khoa”.

- Nghiên cứu việc sử dụng sách, tài liệu tham khảo để hướng dẫn cho GV, HS thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng CSVC để kịp thời bổ sung, đảm bảo mỗi khối lớp đều có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp theo quy định. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kỹ thuật"; đồng thời có biện pháp quản lý, sử dụng hạn chế hư hao, mất mát.

2.6. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn Quốc gia

* *Mục tiêu:*

Duy trì và nâng cao 5 tiêu chuẩn và 27 tiêu chí trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Thông tư số: 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, Thông tư Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học.

* *Nhiệm vụ:*

- Nâng cao chất lượng dạy và học, thu thập các minh chứng, tu sửa lại cơ sở vật chất,... Đưa công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trở thành hoạt động thường xuyên, xuyên suốt trong năm học.

- Xây dựng cảnh quan môi trường, trang trí lớp học và tổ chức các hoạt động giáo dục. Nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu về chất lượng của trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

- Quan tâm rà soát các tiêu chí để có giải pháp kịp thời.

* Giải pháp:

- Tiếp tục triển khai Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT tới toàn thể GV, NV, PHHS.

- *Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng trong báo cáo tự đánh giá và chỉ đạo của cơ quan quản lý. Tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo tập trung nguồn lực để sửa chữa các phòng học bộ môn theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT; xây dựng CSVC các trường học theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung cơ sở vật chất, phòng học bộ môn của Bộ GDĐT.*

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát các tiêu chí và có kế hoạch tổ chức thực hiện kịp thời, duy trì việc tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, phân công cho từng bộ phận, cá nhân phụ trách hồ sơ từng tiêu chuẩn cụ thể, có trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung đầy đủ, đúng quy định.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc ra đề, coi, chấm bài các lần kiểm tra định kỳ theo đúng văn bản hướng dẫn.

- Tổ chức thực hiện nghiệm thu và bàn giao chất lượng học sinh từ khối lớp dưới lên lớp trên một cách nghiêm túc và trách nhiệm.

- GVCN lớp nên tạo môi trường thân thiện, thu hút trẻ đến trường, đến lớp để giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban.

- Tích cực huy động công tác xã hội hoá giáo dục nhằm tăng cường và dần hoàn thiện về CSVC, mối quan nhà trường.

- Khuyến khích CBQL, giáo viên, nhân viên học thêm các khóa học ngoại ngữ (tiếng Anh) để đáp ứng theo quy định của tiêu chí.

Chú trọng khâu lưu trữ hồ sơ và quan tâm cải tạo thư viện nhà trường.

2.7. Tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật đến trường và hòa nhập vào cuộc sống, đẩy mạnh việc thực hiện chương trình, PPDH cho học sinh học hòa nhập

a) Chỉ tiêu:

* *Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:*

100% HS có hoàn cảnh khó khăn đều được theo học và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định.

* *Đối với trẻ em khuyết tật:*

04/04 HSKT đạt 100% được tham gia học tập, hoà nhập không bị phân biệt đối xử và được đánh giá theo sự phát triển của học sinh.

b) Nội dung:

* *Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:*

Học sinh mồ côi, con gia đình hộ nghèo, học sinh nghèo học giỏi GVCN, BGH, các đoàn thể nắm chắc hoàn cảnh từng học sinh, động viên kịp thời, vận động các nguồn tài trợ cấp học bổng, nhiều phần quà có giá trị để hỗ trợ cho các em.

* *Đối với trẻ em khuyết tật:*

Nhà trường nắm chắc số liệu trẻ em khuyết tật trong độ tuổi tiểu học, huy động tối đa số trẻ khuyết tật học hòa nhập; tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng, giáo dục trẻ khuyết tật phù hợp đối tượng; chủ động điều chỉnh linh hoạt về tổ chức dạy học, chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá học sinh khuyết tật.

c) Giải pháp:

** Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:*

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT Quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Kêu gọi, ủng hộ để xây dựng quỹ giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó. Tạo mọi điều kiện để học sinh có cơ hội được đến trường.

** Đối với trẻ em khuyết tật:*

- Huy động tối đa số trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật theo luật người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật giáo dục người khuyết tật như:

+ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật 2010, triển khai hiệu quả chính sách về người khuyết tật.

+ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật.

+ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC Quy định về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật.

Đảm bảo các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận giáo dục, tăng cường giáo dục hoà nhập; tăng cường giáo dục đến đội ngũ về vấn đề giáo dục hoà nhập.

- Giáo viên thực hiện đúng theo yêu cầu về hồ sơ, sổ sách của học sinh khuyết tật.

2.8.Công tác kiểm tra nội bộ

** Mục tiêu:*

- 100% giáo viên, nhân viên được kiểm tra việc chấp hành theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, hiến pháp pháp luật của Nhà nước.

- 100% GV được kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế chuyên môn; được thăm lớp, dự giờ, kiểm tra hồ sơ; được kiểm tra công tác chủ nhiệm.

- 100% GV được kiểm tra việc UDCNTT vào dạy học; được kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp.

- 100% giáo viên được kiểm tra việc đổi mới đánh giá HS theo Thông tư 27/TT-BGDĐT

- 100% tổ chuyên môn và các bộ phận trong nhà trường được kiểm tra.

** Nhiệm vụ:*

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra theo tuần, tháng, kỳ, năm theo tổ chuyên môn.

- Thường xuyên thăm lớp dự giờ, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, đánh giá xếp loại giáo viên theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Triển khai kịp thời các công văn, văn bản chỉ đạo của cấp trên. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học.

*** Giải pháp**

- Kiện toàn Ban Kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026.
- Xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra, phân công cụ thể các thành viên trong Ban kiểm tra. Thực hiện kiểm tra đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra.
- Tăng cường thăm lớp, dự giờ để phát hiện, điều chỉnh những việc chưa hợp lý và tuyên dương những cá nhân, tập thể tích cực, sáng tạo.

2.9. Công tác của các bộ phận trong nhà trường

2.9.1. Văn thư hành chính:

*** Mục tiêu:**

- 100% các công văn đi, đến được cập nhật đầy đủ, kịp thời đúng yêu cầu của công tác văn thư.
- Lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

*** Nhiệm vụ:**

- Cập nhật, lưu công văn đi, đến theo quy định (theo sổ sách, trên máy vi tính).
- Sắp xếp công văn khoa học, ngăn nắp dễ tìm.
- Cập nhật hồ sơ đầy đủ, chính xác.
- Bảo quản tốt các loại hồ sơ của nhà trường.

*** Giải pháp:**

- Cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ các yêu cầu của từng loại theo qui định.
- Nhân viên phụ trách Văn thư phải chịu trách nhiệm về hồ sơ đi, đến.

2.9.2. Y tế học đường:

*** Mục tiêu:**

- Thực hiện BHYT bắt buộc 100% học sinh tham gia (theo Luật Y tế); BHTT theo tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh trên 80,0% học sinh tham gia.
- 100% HS được theo dõi sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT. Thực hiện nghiêm túc nội dung “Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân”.
- 100% học sinh được uống thuốc tẩy giun và tiêm phòng các loại dịch bệnh.
- Tuyên truyền, tích cực phòng, chống dịch bệnh theo mùa.

*** Nhiệm vụ:**

- Đăng ký khám sức khỏe ban đầu cho học sinh.
- Thành lập ban sức khỏe trong trường học. Xây dựng tủ thuốc cho học sinh.
- Tổ chức sinh hoạt cho các em những hiểu biết cơ bản về các bệnh học đường như cận thị, cong vẹo cột sống, béo phì, các bệnh hay lây: đau mắt, quai bị, Rubella, bệnh tay, chân, miệng; sốt xuất huyết; tuyên truyền về HIV/AIDS...
- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân (có biên bản cụ thể cho các lần kiểm tra).

*** Giải pháp:**

- Kiện toàn Ban sức khoẻ trong trường học.
 - Xây dựng tủ thuốc sơ cấp cứu cho học sinh.
 - Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân.
 - Giáo dục HS ý thức giữ gìn vệ sinh chung cũng như vệ sinh cá nhân.
 - Giáo dục nha học đường cho học sinh theo kế hoạch đề ra.
 - Vận động học sinh tham gia BHTT qua việc tuyên truyền lợi ích của Bảo hiểm.
 - Nhân viên Y tế xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể.
- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền giáo dục về phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em. Thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh theo mùa, bệnh tay chân miệng, tẩy giun định

kỳ trong các cơ sở giáo dục tiểu học theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Thực hiện theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ GDĐT - Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học.

2.9.3. Tài chính, kế toán:

*** Mục tiêu:**

Các chế độ chính sách của CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh được thực hiện thanh toán đúng quy định, kịp thời. Thực hiện nghiêm túc Đề án 06 (Việc chi trả chế độ cho học sinh chuyển qua tài khoản theo quy định).

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Xây dựng dự toán kinh phí, quyết toán theo đúng chế độ quy định, chính xác.
- Báo cáo tăng, giảm biên chế nhân sự theo quy định. Cập nhật sổ sách, chứng từ thu, chi đúng quy định. Thực hiện chi tiêu theo kế hoạch năm 2025 và lập kế hoạch chi tiêu nội bộ theo quy định.

*** Giải pháp:**

- Nhân viên kế toán và nhân viên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tài chính.
- Cập nhật chứng từ thu, chi, hóa đơn đúng với quy định tài chính.

2.10. Công tác của các đoàn thể trong nhà trường

2.10.1. Đội TNTPHCM

*** Mục tiêu:**

- 100% đội viên, nhi đồng thực hiện tốt chủ đề của Đội và Phong trào thiếu nhi trong năm học.
- 100% đội viên, học sinh hỗ trợ các bạn nghèo vượt khó, vui Tết...
- Tham gia đầy đủ các phong trào do Liên đội tổ chức.
- Chỉ tiêu kết nạp đội viên, các danh hiệu thi đua của đội viên:
 - + Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 100% HS lớp 3 được kết nạp vào đội.
 - + Liên Đội vững mạnh đề nghị HĐ Đội tỉnh tặng Bằng khen.
 - + 98,0% trở nên Đội viên, nhi đồng đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ.

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện chương trình hành động của Đội thiếu niên, sao nhi đồng.
- Hoạt động theo Điều lệ và kế hoạch hoạt động Đội do đoàn cấp trên đề ra dưới sự chỉ đạo của BGH, Tổng phụ trách Đội, các anh chị phụ trách thực hiện theo các cuộc thi, các phong trào thi đua. Đa dạng hóa các loại hình học tập. Mở rộng mô hình câu lạc bộ học tập. Tổ chức các cuộc thi năng khiếu. Làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ phụ trách sao nhi...

- Thực hiện chủ đề năm học:

“ *Thiếu nhi Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên mới* ”

- Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào ngoại khóa như: thăm gia đình liệt sĩ, hỗ trợ và chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương, tổ chức tìm hiểu về các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt hưởng ứng nghiêm túc “*Tháng an toàn giao thông tháng 9/2025*” và xuyên suốt cả năm học.

*** Giải pháp:**

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo và kế hoạch hoạt động Đội.

- Tổ chức tốt Lễ phát động Chủ đề của Đội, Lễ phát động Tháng an toàn giao thông tháng 9/2025 trong GV, HS. Kết hợp cùng GVCN tổ chức cho học sinh, CMHS ký cam kết thực hiện về An toàn giao thông.

- Sinh hoạt đầu tuần thường xuyên có chất lượng và hiệu quả cao. Các hình thức sinh hoạt phong phú giúp học sinh có kỹ năng sống qua các câu chuyện kể về Bác Hồ, tiểu phẩm về an toàn giao thông...

Thực hiện tốt chủ đề Hoạt động Đội và Phong trào thiếu nhi năm học 2025-2026.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào ngoại khóa, tham quan học tập, tổ chức các phong trào thi đua trong học sinh nhân các ngày lễ lớn.

Đảm bảo tốt các chương trình phong trào của Đội, tăng cường việc sinh hoạt dưới cờ hàng tuần với những nội dung cụ thể theo từng chủ điểm.

Tổ chức các hoạt động Đội thường xuyên liên tục tại tất cả các điểm bản, mỗi giáo viên chủ nhiệm là một người phụ trách.

Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo và kế hoạch hoạt động Đội.

2.10.2. Hội khuyến học

*** Mục tiêu:**

- 100% CBQL, GV, NV trong nhà trường tham gia các hoạt động của hội khuyến học xã, của tỉnh.

- Học sinh tích cực tham gia chương trình ủng hộ bạn nghèo vượt khó.

*** Nhiệm vụ:**

Hoạt động theo Hướng dẫn số 122/HD-KHVN ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Hội Khuyến học Việt Nam hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam (Điều lệ sửa đổi).

*** Giải pháp:**

- Tuyên truyền trong CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh nắm được mục tiêu hoạt động của Hội.

- Giáo dục học sinh phát huy truyền thống “Lá lành đùm lá rách” với các hoạt động như Áo lành tặng bạn, vì đồng bào lũ lụt,...

2.10.3. Hội chữ thập đỏ

*** Mục tiêu:**

- 100% CBQL, GV, NV trong nhà trường tham gia công tác chữ thập đỏ trong trường học.

- 100% học sinh nhà trường có kiến thức về phòng chống các dịch, bệnh, tật trong trường học.

- Trang bị đầy đủ thuốc sơ cấp cứu cho học sinh 9 lớp. Đầu tư góc “Sức khỏe Chữ thập đỏ” tại phòng Y tế trường.

- CBQL, GV, NV tham gia hiến máu nhân đạo.

- Xây dựng nhà trường Xanh - Sạch - Đẹp, không có ma túy và tệ nạn xã hội.

- Tổ chức giúp đỡ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào các vùng bị thiên tai, thảm họa.

*** Nhiệm vụ:**

- Cán bộ y tế nhà trường tuyên truyền, phổ biến những kiến thức về vệ sinh sức khỏe học đường vào giờ chào cờ đầu tuần. Tuyên truyền luật giao thông đường bộ, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích...trên loa phóng thanh vào giờ ra chơi và gắn các bài trên bảng tin.

- Chi hội chữ thập đỏ kết hợp cùng BGH nhà trường nắm vững đối tượng HS, GV, NV nghèo, khó khăn, tàn tật,... lập danh sách học sinh khó khăn đề nghị hỗ trợ.

- Học sinh các lớp thực hiện phong trào *nuôi heo đất*, kế hoạch nhỏ giúp bạn nghèo vui Tết Nguyên đán.

- Giáo dục học sinh biết giữ gìn, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện thể dục chính khóa, tham gia bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp nơi công cộng, trường lớp, chăm sóc bảo vệ cây xanh trong nhà trường.

- Tổ chức tập huấn sơ cấp cứu đơn giản cho học sinh khối 3,4,5.

*** Giải pháp:**

- Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường phối hợp với Đội TNTP Hồ Chí Minh tập huấn các kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các hoạt động tập thể, kỹ năng sơ cấp cứu, kỹ năng ứng phó với thiên tai và lũ lụt, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích...cho hội viên Chữ thập đỏ của nhà trường, đồng thời đưa các kỹ năng vào các chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ...

- Ban chỉ đạo Chữ thập đỏ phối hợp với hội CMMS, đội TNTP tổ chức ký cam kết: An toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy...

- Tuyên truyền về các giá trị, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân đạo và về hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Công tác tuyên truyền, giáo dục được thực hiện dưới hình thức nói chuyện dưới cờ, sinh hoạt lớp, chương trình phát thanh măng non, biểu ngữ, băng rôn,...

2.10.4. Hội đồng tư vấn

*** Mục tiêu:**

- Thành lập hội đồng tư vấn theo đúng Điều lệ trường tiểu học

- 100% các thành viên của Hội đồng tư vấn nắm vững nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

*** Nhiệm vụ:**

- Căn cứ vào thực tế nhà trường, tham mưu cho BGH xây dựng mục tiêu chiến lược của nhà trường, kế hoạch hoạt động của nhà trường trong từng lĩnh vực: Chuyên môn, các đoàn thể: Đội TNTP Hồ Chí Minh, Y tế học đường hướng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua do cấp trên phát động, tư vấn về các công tác xã hội khác như: công tác đảm bảo an ninh trật tự, công tác chữ thập đỏ, khuyến học...

- Tham mưu cho BGH xây dựng bộ máy tổ chức của nhà trường, phân công công việc cho cán bộ giáo viên một cách hợp lý với năng lực, sức khỏe bản thân và hoàn cảnh gia đình.
- Có mối liên lạc với GVCN nắm bắt được những học sinh cá biệt về đạo đức, học tập, những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để giúp đỡ các em khi cần thiết.
- Sẵn sàng trao đổi với các phụ huynh khi phụ huynh có vướng mắc trong việc giáo dục HS.

*** Giải pháp:**

- Các thành viên trong hội đồng tư vấn gương mẫu, chuyên môn vững vàng, tư cách đạo đức tốt nhiệt tình tạo được uy tín đối với đồng nghiệp, phụ huynh học sinh, nhân dân.

2.10.5. Hội đồng thi đua khen thưởng

*** Mục tiêu:**

- Kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng theo đúng Điều lệ trường tiểu học
- 100% các thành viên của Hội đồng khen thưởng phải nắm vững các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng năm học 2025- 2026.

*** Nhiệm vụ:**

- Ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng ra QĐ kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng đúng thành phần gồm: Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng.
- Triển khai kịp thời văn bản hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng.

*** Giải pháp:**

- Triển khai đầy đủ các văn bản về công tác thi đua khen thưởng tới toàn thể GV, NV. Thực hiện đăng ký thi đua giữa các cá nhân, các tổ cam kết thi đua thực hiện Xuất sắc nhiệm vụ năm học.
- Kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng ngay từ đầu năm học, chỉ đạo phong trào thi đua, đảm bảo cho phong trào thi đua phát triển đúng hướng và hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch từng chặng thi đua, cụ thể hóa theo từng tháng, tuần và triển khai kịp thời tới GV, HS. Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua, tổ chức đánh giá xếp loại vào cuối năm học.

2.11. Các hoạt động khác

*** Mục tiêu:**

- 100% GV và học sinh thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường.
- 9/9 lớp với 223 HS được tham gia học tập chương trình thể dục chính khóa, các câu lạc bộ thể thao dành cho HS năng khiếu như: bơi, ném bóng, bóng rổ, dân vũ...
- 9/9 lớp với 223 HS tham gia hoạt động đầu giờ, giữa giờ tập trung, tập các bài thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ; trò chơi An toàn giao thông; trò chơi dân gian.
- 100% CBQL, GV, NV thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ quan.
 - 100% CBQL, GV, NV thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện
 - 100% CBQL, GV, NV và học sinh hiểu được mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật (ngày 09/11)
 - 100% CBQL, GV, NV và học sinh thực hiện tốt công tác bình đẳng giới.

*** Nhiệm vụ:**

- Tuyên truyền và huy động đầy đủ số trẻ trong độ tuổi ra lớp trong địa bàn đến trường.
- Duy trì đều đặn vào các buổi thể dục chính khóa. Tổ chức bài thể dục đầu giờ, giữa giờ, thể dục nhịp điệu... cho học sinh từ khối 1 đến khối 5. Đan xen các môn thể thao các trò chơi dân gian giúp học sinh học mà chơi, chơi mà học.
- Thực hiện hát Quốc ca vào các tiết chào cờ hàng tuần theo quy định tại văn bản số 1525/BGDĐT- CTHSSV ngày 29/3/2010 của Bộ GDĐT; xây dựng nề nếp hát đầu giờ, hát chuyên tiết, múa hát tập thể theo chủ đề.
- Nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Nâng cao chất lượng, năng lực tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở cho đội ngũ cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu trước tình hình mới.
- Trong năm tổ chức cho CBQL, GV, NV và các em học sinh thăm viếng các gia đình chính sách, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.
- Tổ chức quyên góp quần áo, sách vở, đồ dùng học tập, gạo, tiền hỗ trợ cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

*** Giải pháp:**

- Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, GVCN phối hợp thực hiện tốt các hoạt động hàng tuần theo các chủ đề, các ngày lễ lớn. Sáng tạo ra các hình thức vui chơi, hấp dẫn các em, qua đó góp phần giáo dục ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể tạo niềm vui ham thích đến trường, hăng say học tập.
- Tiếp tục thực hiện công tác giáo dục an toàn giao thông (dạy các bài về ATGT theo quy định).
- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, triển khai quán triệt, tuyên truyền các nội dung cơ bản của Kế hoạch tới cán bộ, viên chức, đảng viên trong nhà trường.
- Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Thanh Phương

Các Phụ lục của Báo cáo

1. Phụ lục 1 (Chiến lược phát triển nhà trường)

UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TH SỐ 2 TUẦN GIÁO
Số: 10/KH-THS2TG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tuần giáo, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH BỔ SUNG **KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG** **GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-ĐU, ngày 12/8/2025 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Trường Tiểu học số 2 Tuần giáo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 -2030 cụ thể như sau:

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh ra đời

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025- 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Tập thể sư phạm nhà trường quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng ngành giáo dục tỉnh Điện Biên nói chung và của xã Tuần giáo nói riêng, giúp xã và địa phương phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường

Nhà trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường Tiểu học được quy định tại điều 3, Điều lệ trường Tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) cụ thể như sau:

2.1. Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

2.3. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

2.4. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường Tiểu học.

2.5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

2.6. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2.7. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

2.8. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

2.9. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường Văn hoá - Giáo dục ở địa phương.

2.10. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của Pháp luật.

2.11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật.

3. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường

Trường Tiểu học số 2 Tuần giáo được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Tuần Giáo theo Quyết định số 203/QĐ-UB ngày 22/8/1991. Địa điểm tại Khối Đoàn Kết xã Tuần giáo với diện tích 3.203,4 m². Trường tiểu học số 2 Tuần giáo là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

Trải qua 34 năm xây dựng và trưởng thành trường Tiểu học số 2 Tuần giáo từng bước có sự phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục, trở thành một địa chỉ giáo dục có uy tín của xã Tuần giáo. Từ một ngôi trường ban đầu với điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, đa số các phòng học và phòng làm việc là nhà tạm. Năm 2002 trường được Nhà nước đầu tư xây dựng một dãy nhà 2 tầng với 10 phòng học kiên cố, sân bê tông và công trình vệ sinh cho GV và HS, phục vụ tương đối đủ cho hoạt động dạy và học của nhà trường. Thầy và trò đã nỗ lực phấn đấu vươn lên và đạt được danh hiệu trường Tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2006. Không dừng ở đó, nhà trường tiếp tục phấn đấu xây dựng cảnh quan môi trường, nâng cao chất lượng dạy và học. Đến tháng 9/2009 nhà trường được đầu tư xây dựng thêm 10 phòng chức năng, trang bị một số thiết bị hiện đại như: máy phô tô, máy chiếu, máy tính... Nhà trường luôn luôn phấn đấu duy trì bền vững các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và phấn đấu đạt các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Đến tháng 9 năm 2011 nhà trường tiếp tục được xây dựng thêm 3 phòng học cho các môn học chuyên, đầu tư 130 bộ bàn ghế một chỗ ngồi, bổ sung thêm máy chiếu, máy tính... phục vụ cho công tác dạy và học. Đến nay cơ sở vật chất của nhà trường đã khang trang, sạch đẹp. Chất lượng dạy và học được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ học sinh khá giỏi hàng năm đạt trên 70%. Giáo viên và học sinh tham gia hội thi các cấp đều đạt giải cao. Đến tháng 5 năm 2012 nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, sở giáo dục và đào tạo công nhận chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3 vào tháng 4 năm 2013. Đến năm 2018 được UBND tỉnh công nhận duy trì bền vững 5 tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Trong những năm qua, trường Tiểu học số 2 Tuần giáo phấn đấu là trường có chất lượng và uy tín của xã nhà. Nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, đã, đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ đáng tin cậy của cha mẹ HS và học sinh.

4. Thành tích đạt được

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, của sở Giáo dục và Đào tạo, cùng với sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh qua các thế hệ, nhà trường đạt được các thành tích sau:

Từ năm 2006 đến năm 2020 nhà trường đều đạt danh hiệu Tập thể LĐTT -UBND huyện khen, Tập thể LĐXS -UBND tỉnh tặng bằng khen, trong đó:

Năm 2006: Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I;

Năm 2007: UBND tỉnh tặng cờ thi đua Xuất sắc;

Năm 2012: UBND tỉnh tặng bằng khen; Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II; Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3;

Năm 2013: Đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3;

Năm 2014: UBND tỉnh tặng bằng khen;

Năm 2015: UBND tỉnh tặng bằng khen;

Năm 2016: UBND tỉnh công nhận tập thể LĐXS;

Năm 2017: UBND tỉnh tặng bằng khen;

Năm 2018: UBND tỉnh tặng bằng khen và công nhận duy trì bền vững 5 tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II;

Năm 2019: Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen;

Năm 2020: Bộ giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen.

Công tác phổ cập giáo dục luôn được nhà trường quan tâm, phối hợp 3 cấp học do đó thị trấn đã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2.

Chi bộ nhà trường liên tục đạt chi bộ “HTTNV trở nên” được các cấp tặng giấy khen nhiều năm liền. Chi bộ được Đảng bộ Huyện tặng giấy khen chi bộ có thành tích 5 năm liên tục (2011-2015; 2013-2017).

5. Nhu cầu phát triển của nhà trường đáp ứng nhiệm vụ được giao và hội nhập Quốc tế

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện về năng lực và phẩm chất người học, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; Đào tạo đội ngũ có kiến thức chuyên sâu đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng học tập và làm việc nhằm đạt được các mục tiêu Giáo dục và Đào tạo đề ra.

6. Tình hình kinh tế-xã hội của địa phương

Tình hình chính trị, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế - văn hoá xã hội của địa phương ổn định, từng bước phát triển theo chiều hướng tích cực. Đời sống của nhân dân ngày được cải thiện, công tác xóa đói giảm nghèo được các cấp quan tâm đúng mức. Nhận thức về vai trò của giáo dục của cộng đồng dân cư ngày càng tiến bộ, mọi gia đình đều quan tâm tới việc học tập của con em.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾT QUẢ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Những ưu điểm

1.1 Tổ chức và quản lý nhà trường.

- Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường đã điều hành mọi hoạt động đi đúng hướng. Xây dựng được môi trường trường học nền nếp, kỉ cương, chất lượng. Ban giám hiệu, các hội đồng, các tổ chuyên môn được cơ cấu đầy đủ về số lượng, đảm bảo năng lực, có kinh nghiệm quản lý giáo dục, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ quản lý. Cán bộ quản lý luôn đoàn kết, nhất trí, có uy tín với tập thể giáo viên, nhân viên; tạo được lòng tin với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân.

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý bằng kế hoạch, đảm bảo tính pháp lý. Nhà trường có kế hoạch hoạt động chung, hoạt động tổ khối theo tuần, tháng, kì và cả năm học đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thực tế.

- Công tác tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế

1.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý gồm 01 đồng chí: 01 Hiệu trưởng, thiếu phó hiệu trưởng, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có năng lực lãnh đạo điều hành, biết phát huy dân chủ cơ sở để tổ chức các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả, được sự tin nhiệm của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện và có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác; GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, được HS tin yêu, phụ huynh tin nhiệm.

- Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định gồm y tế, thư viện, bảo vệ, phục vụ; nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy các hoạt động khác trong nhà trường.

1.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

- Nhà trường được xây dựng 1 dãy nhà 2 tầng gồm 10 phòng học, 02 phòng chờ dành cho GV; 1 dãy nhà cấp 4 gồm 3 phòng; Nhà trường đã sử dụng làm 9 phòng học, 3 phòng hỗ trợ học tập; 01 phòng chờ dành cho GV, 01 phòng thiết bị. Dãy nhà hành chính gồm 10 phòng bao gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng PHT, phòng hội đồng, phòng truyền thống, phòng thư viện, phòng đọc, phòng đội, phòng y tế, phòng kế toán, phòng tin học. Các phòng đều được xây dựng kiên cố, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh, có hệ thống quạt, ánh sáng, trang thiết bị dạy học theo qui định. Ngoài ra có đủ công trình vệ sinh cho GV, HS (nam, nữ riêng); 01 công trình nước sạch.

- Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng dạy học qui định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp. Ngoài ra còn có nhiều phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại như: máy tính, máy chiếu, tivi, máy photocopy và nhiều thiết bị khác phục vụ tốt cho công tác

dạy học và các hoạt động giáo dục của trường.

1.4. Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục.

- Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tuyên truyền, huy động các nguồn lực giúp nhà trường hoạt động có hiệu quả.

1.5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục:

- Chất lượng dạy học được duy trì và ngày một nâng cao. Tỷ lệ học sinh HTCT lớp học, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, học sinh được khen thưởng năm sau cao hơn năm trước.

- Môi trường giáo dục ngày tốt hơn, trường lớp khang trang, sạch đẹp, nề nếp, kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đều đặn và ngày càng phong phú.

- Kết quả năm học 2024-2025:

+ Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 177/177 đạt 100% (02 HSKT)

+ Học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học: 56/56, đạt 100%

Trong đó: HTXS: 74/233, đạt 31,8%; HTT: 76/233, đạt 32,6%; HT: 83/233, đạt 35,6%; CHT: 0

+ Học sinh được khen thưởng: 150/233, đạt: 64,4%.

+ Lớp TTXS: 9/9, đạt 100%; CNBH : 223/233, đạt 95,7%

2. Những hạn chế, yếu kém

2.1. Tổ chức và quản lý nhà trường: Công tác kiểm tra chuyên môn đối với môn Tiếng anh còn gặp khó khăn. Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên vẫn còn mang tính động viên.

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Ban giám hiệu khuyết phó hiệu trưởng ảnh hưởng đến công tác quản lý và tiến độ công việc.

Năng lực Ngoại ngữ và Tin học của đội ngũ còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và giáo dục trong thời kỳ hiện nay; ý thức trách nhiệm với trường lớp của một số ít giáo viên đôi lúc chưa đồng bộ; một số ít giáo viên chậm đổi mới phương pháp giảng dạy.

2.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: Phòng học và một số công trình đã xuống cấp; sân chơi, bãi tập hẹp chung diện tích.

2.4. Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục: Đôi lúc tham mưu, phối hợp chưa kịp thời.

2.5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục: Chất lượng học sinh năng khiếu, học sinh đạt giải trong các hội thi các cấp chưa bền vững.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Trình độ Ngoại ngữ còn hạn chế;
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều;
- Cơ sở vật chất được đầu tư khá lâu đã bị xuống cấp;
- Tổ chức hoạt động các câu lạc bộ đôi lúc chưa thường xuyên.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn 2025 - 2030

- Đổi mới lãnh đạo và quản lý nhà trường do yêu cầu phải phát triển giáo dục để đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kì hội nhập và cơ chế thị trường của đất nước và thế giới. Trọng tâm của giai đoạn này là tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL nhà trường, nhất là tăng cường năng lực đổi mới về tư duy, phương thức và cơ chế QLGD, năng lực ngoại ngữ và tin học để quản lý toàn diện các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Chủ động tuyển chọn và xây dựng đội ngũ đủ về số lượng; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh; Đẩy mạnh các hoạt động phong trào thi đua trong CBGV, NV và học sinh thiết thực, hiệu quả.

- Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh. Đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, và cuộc vận động, các phong trào thi đua.

- Tăng cường giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức nhiều hoạt động dạy học, giáo dục và giao lưu để các em có khả năng thích ứng với môi trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Huy động các nguồn lực trong xã hội phát triển nhà trường, vì đây là yếu tố khách quan quyết định thành công của nhà trường. Trọng tâm của giai đoạn này là ngoài việc đẩy mạnh các biện pháp huy động nhân lực, vật lực, tài lực... bên trong còn phải có biện pháp tăng cường việc huy động các nguồn lực phong phú từ bên ngoài nhà trường để tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường phát triển ổn định và bền vững.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2025, trường Tiểu học số 2 Tuần giáo phần đầu trường có cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có năng

lực chuyên môn tốt, thân thiện với học sinh và nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội;

Định hướng đến năm 2030, nhà trường tiếp tục phấn đấu nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; Là một trong những ngôi trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn cao.

2. Sứ mệnh

Xây dựng chiến lược phát triển trường Tiểu học số 2 Tuần giáo nhằm tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương và có chất lượng cao. Giáo dục học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ, có trách nhiệm và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học sinh biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong cuộc sống.

3. Giá trị cốt lõi

Nhà trường luôn đổi mới chính mình, đẩy mạnh, nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường tuyên truyền, giáo dục tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, sáng tạo để giáo dục học sinh và cùng học sinh trở thành những con người mới với phương châm:

“Giáo viên: Tinh thần, trách nhiệm, Sáng tạo đổi mới

Học sinh: Tự giáo dục, hợp tác, chia sẻ

Nhà trường: Kỷ cương, nền nếp, hội nhập”.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu dài hạn

Đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1 Phát triển trường chất lượng cao: Nhà trường xác định mục tiêu nâng mức độ đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên.

- 100% Cán bộ giáo viên có trình độ đại học, có năng lực thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi 90,0% trở lên.

- 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính phục vụ cho giảng dạy và học tập.
- 100% số tiết dạy sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin.

1.3. Chất lượng học sinh.

* Quy mô trường, lớp (có phụ lục kèm theo).

* Chất lượng giáo dục:

- Về học tập: 99,5% đến 100% số HS được đánh giá Hoàn thành và hoàn thành Tốt nội dung các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Về Năng lực: 99,5% đến 100% HS được đánh giá ở mức Đạt và Tốt, trong đó HS được đánh giá mức Tốt: 50,0% trở nên.

- Về Phẩm chất: 100% HS được đánh giá ở mức Đạt và Tốt, trong đó HS được đánh giá mức Tốt: 80,0% trở nên.

- 99,5% đến 100% HS hoàn thành chương trình lớp học.

- 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 20,0% trở nên học sinh tham gia giao lưu các câu lạc bộ đạt giải.

- 100% Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động trong nhà trường và nơi sinh sống.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả thiết bị sẵn có, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động giảng dạy và giáo dục tại nhà trường.

- Tăng cường cải tạo thư viện, bổ sung thiết bị, công nghệ theo hướng hiện đại hóa. Duy trì và xây dựng thư viện tiên tiến.

1.5. Cơ sở vật chất trường lớp học.

- Tham mưu tích cực với các cấp lãnh đạo bổ sung kinh phí nâng cấp các phòng học, các công trình phụ trợ đảm bảo tiêu chuẩn theo hướng hiện đại.

- 100% phòng học có đủ bàn ghế đạt chuẩn. 100% các phòng học được trang bị các thiết bị dạy học hiện đại.

- Tích cực Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”.

2. Mục tiêu ngắn hạn

2.1. Năm học 2025-2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Phấn đấu nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, trở thành một trong những trường chất lượng cao, uy tín.

- Phấn đấu trường đạt Tập thể LĐXS - UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.2. Năm học 2026-2027, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định.

- Thương hiệu nhà trường được nâng cao.
- Phần đầu trường đạt Tập thể LĐXS - UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.3. Năm học 2027-2028

- Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định.
- Thương hiệu nhà trường được nâng cao.
- Phần đầu trường đạt Tập thể LĐXS - UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.4. Năm học 2028-2029, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tiếp tục Nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2,

trở thành một trong những trường chất lượng cao, giữ thương hiệu về chất lượng của xã Tuần Giáo.

- Phần đầu trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc - Nhà nước tặng Huân Chương lao động hạng nhì.

2.5. Năm học 2029-2030, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tiếp tục Nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, trở thành một trong những trường chất lượng cao, giữ thương hiệu về chất lượng của huyện Tuần Giáo.

- Tiếp tục phấn đấu giữ vững trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc - Nhà nước tặng Huân Chương lao động hạng nhì.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà trường

- Quy hoạch cán bộ quản lý nhà trường giai đoạn theo quy định. Tạo điều kiện để cán bộ quản lý thuộc diện quy hoạch tham gia học tập về chuyên môn, nghiệp vụ, lí luận chính trị đạt chuẩn theo quy định.

- Xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần đoàn kết cao, gương mẫu, tận tụy với nghề. Luôn nêu cao ý thức tự học, tự rèn không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nền nếp làm việc khoa học, lối sống lành mạnh, ứng xử giao tiếp văn hóa được giáo viên, học sinh và phụ huynh tin tưởng.

- Chỉ đạo các bộ phận xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định đảm bảo tính khoa học, có chất lượng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện và lưu trữ.

- Quản lý chuyên môn đúng theo quy chế, đảm bảo nguyên tắc, phù hợp với thực tế nhà trường, luôn có tính sáng tạo, khoa học, có hiệu quả.

- Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học minh bạch, công khai, dân chủ, hợp lí, tiết kiệm, đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, giữ gìn mối đoàn kết nội bộ. Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật lao động, đảm bảo nền nếp làm việc, học tập, hội họp khoa học.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường. Sử dụng trang web của nhà trường hiệu quả giúp cho việc tuyên truyền các kế hoạch, kết quả công việc của nhà trường công khai để mọi người biết đến và nhận được ý kiến phản hồi, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có bản lĩnh về phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản tiếp cận tốt trong từng lĩnh vực, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết với nghề, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Tăng cường công tác tham mưu đảm bảo đủ định mức biên chế GV theo quy định, thực hiện công tác bồi dưỡng gắn với tự bồi dưỡng của từng CBGV, NV một cách hiệu quả. Ưu tiên việc đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ Tin học, Ngoại ngữ cho CBGV, NV.

- GV chủ động vận dụng các PPDH một cách linh hoạt theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS. Sử dụng bài giảng điện tử, ứng dụng CNTT trong dạy học một cách hợp lý và hiệu quả. Đầu tư thời gian, động viên, khích lệ, khen thưởng kịp thời giáo viên cả về vật chất và tinh thần để GV tham gia dự thi các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ có hiệu quả.

- Các tổ chuyên môn thực hiện thường xuyên việc dự giờ, trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm cho các thành viên.

- Sử dụng thường xuyên, có hiệu quả đồ dùng thiết bị dạy học, tạo thói quen sử dụng ĐDDH trong GV, từ đó có kinh nghiệm trong dạy học và nâng cao hiệu quả tiết dạy.

- Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức hàng năm một cách khách quan, dân chủ, chính xác; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch một khoa học có tầm nhìn dài hạn.

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có nhu cầu tiếp tục học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Quan tâm việc xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn và kết nạp đảng viên mới.

3. Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Xây dựng CSVC nhà trường theo hướng hiện đại, phục vụ nhu cầu giảng dạy, làm việc của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Tham mưu với các cấp đầu tư kinh phí nâng cấp các phòng học và các hạng mục công trình đã xuống cấp. Đầu tư kinh phí để mua sắm thêm một số trang thiết bị dạy học đã hỏng hoặc còn thiếu.

- Trồng, chăm sóc các bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan đẹp cho nhà trường.

- Khuyến khích CBQL, giáo viên, nhân viên sử dụng và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, nghiệp vụ.

4. Làm tốt công tác tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục

- Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược. Đề nghị cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, tổ chức ở địa phương cho chủ trương huy động các nguồn lực, sự tham gia của các cá nhân và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và tạo điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tuyên truyền, huy động các nguồn lực giúp nhà trường hoạt động có hiệu quả.

- Đảm bảo mối quan hệ và thông tin giữa Nhà trường, Gia đình và Xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

5. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục. Tổ chức giảng dạy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình; xây dựng kế hoạch và các biện pháp chuyên môn gắn với yêu cầu thực hiện hiệu quả các cuộc vận động lớn của Đảng, của Nhà nước và của ngành.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng đào tạo, làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo HS chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học. Học sinh phải hiểu bài, biết tổng hợp kiến thức và có thể biểu đạt chính kiến của bản thân khi làm bài.

- Tích cực đổi mới nội dung phương pháp giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Lãnh đạo và tổ chức việc đổi mới PPDH đổi mới PPDH, thực hiện tốt nội dung chương trình GDPT theo hướng tích cực hóa hoạt động của HS, dạy học theo hướng cá thể hóa từng đối tượng HS, HS tự giáo dục, tự ánh giá và hợp tác.

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, xây dựng văn hóa hợp tác trong nhà trường để tạo động lực đầy mạnh đổi mới.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thu chi tài chính theo luật ngân sách và quy chế chi tiêu nội bộ, công khai theo quy định. Xây dựng cơ chế tài chính theo hướng tự chủ hoạch toán và minh bạch các nguồn thu, chi. Việc huy động và sử dụng các nguồn vốn đảm bảo minh bạch và công khai; các thành phần nhân sự của trường tham gia lập kế hoạch tài chính; phân bổ những hạng mục ưu tiên; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ về tài chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tài chính.

- Dự toán kinh phí hàng năm:

Năm 2026: 3.516.000.000 đồng

Năm 2027: 3.570.000.000 đồng

Năm 2028: 3.610.000.000 đồng

Năm 2029: 3.60.000.000 đồng

Năm 2030: 3.710.000.000 đồng

2. Kinh phí từ xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác

- Ngoài ngân sách nhà nước, nhà trường huy động các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào phát triển nhà trường, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn huy động về tài chính.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược nhà trường

- Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBGV, NV nhà trường, cơ quan chủ quản, cha mẹ HS, HS, các tổ chức đoàn thể, nhân dân...

- Niêm yết công khai kế hoạch và đăng tải trên Website của nhà trường.

2. Trách nhiệm thực hiện

2.1. Hội đồng trường.

- Chịu trách nhiệm Quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường theo từng năm học, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện Kế hoạch chiến lược, mục tiêu giáo dục.

2.2. Ban giám hiệu nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chiến lược của nhà trường theo lộ trình chung và theo từng giai đoạn.

- Tham mưu Đảng ủy xã đưa các chỉ tiêu giáo dục đã được hội đồng trường thông qua vào Nghị quyết Đảng bộ xã giai đoạn 2025-2030.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ giáo viên, nhân viên, PHHS, học sinh. Có kế hoạch phối hợp, vận động, tuyên truyền tới các tổ chức, đoàn thể và nhân dân. Thành lập Ban chỉ đạo, Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển nhà trường trong kế hoạch theo từng năm học và chỉ đạo thực hiện.

2.3. Các tổ chuyên môn, đoàn thể, đội ngũ GV, nhân viên trong trường.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức xây dựng kế hoạch, chương trình hành động sát với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công việc.

- Đội ngũ căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng KH công tác của cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phát huy tinh thần vượt khó vươn lên, luôn có khát vọng được đóng góp sức mình vào sự phát triển của nhà trường.

2.4. Học sinh.

- Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, từng kỳ và cả năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và tổ chức Liên đội TNTPHCM nhà trường.

- Tích cực hoạt động tự quản, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện kỹ năng sống.

2.5. Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh.

- Phối hợp với nhà trường phổ biến, triển khai chiến lược trong các phiên họp cha mẹ học sinh. Đề xuất các giải pháp, phối hợp và hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt kế hoạch, phối hợp giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị trong kế hoạch đã xây dựng.

- Luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của chiến lược.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với sở GD&ĐT

- Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ theo mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

2. Với UBND xã

- Quan tâm và điều động đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu cho nhà trường.

- Hỗ trợ kinh phí nâng cấp phòng học và các hạng mục công trình đã xuống cấp đảm bảo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia.

2. Phụ lục 2 (Quy chế dân chủ ở cơ sở)

UBND XÃ TUẦN GIÁO
NAM
TRƯỜNG TH SỐ 2 TUẦN GIÁO
Số:27/QĐ-THS2TG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tuần Giáo, ngày 16 tháng 9 năm

2025

QUYẾT ĐỊNH

**“V/v Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường”
Năm học 2025- 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 TUẦN GIÁO

Căn cứ vào Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/1/2015 của chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/TT-BNV Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 04/2015/NĐ-CP;

Căn cứ kết quả thảo luận tại Hội nghị VC năm học 2025-2026 của trường Tiểu học số 2 Tuần giáo về xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong trường học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường tiểu học Số 2 Tuần giáo.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Điều 3. Toàn thể VC, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở GD&ĐT (B/c);
- UBND xã (B/c);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thanh Phương

QUY CHẾ
THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/QĐ-THS2TG ngày 16/9/2025 của
Hiệu trưởng trường tiểu học số 2 Tuần giáo)

Chương I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích việc thực hiện dân chủ trong nhà trường.

1. Thực hiện dân chủ trong nhà trường nhằm thực hiện tốt nhất, có hiệu quả nhất những điều Luật Giáo dục quy định theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong các hoạt động của nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện; đảm bảo cho công dân, cơ quan, tổ chức được quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục, làm cho giáo dục thực sự là của dân, do dân và vì dân.

2. Thực hiện dân chủ trong nhà trường nhằm phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của Hiệu trưởng, nhà giáo, người học, đội ngũ viên chức trong nhà trường theo Luật định, góp phần xây dựng nền nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và luật pháp Nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ trong nhà trường.

1. Mở rộng dân chủ phải đảm bảo có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện trách nhiệm của Hiệu trưởng và phát huy vai trò của các tổ chức, các đoàn thể trong nhà trường.

2. Thực hiện dân chủ trong nhà trường phù hợp với Hiến pháp và Pháp luật; quyền phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; dân chủ phải gắn liền với kỷ luật, kỷ cương trong nhà trường.

3. Xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ, xâm phạm quyền tự do dân chủ làm ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của nhà trường.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định những nội dung liên quan đến việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Tiểu học số 2 Tuần giáo.

Chương 2

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ NHÀ TRƯỜNG

MỤC 1. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG

Điều 4. Hiệu trưởng là người do cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng có trách nhiệm:

1. Quản lý điều hành mọi hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước Pháp luật và cấp trên về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

2. Tổ chức thực hiện những quy định về trách nhiệm của nhà trường, nhà giáo, viên chức, của người học trong Quy chế này.

3. Lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và có các biện pháp giải quyết đúng theo chế độ, chính sách hiện hành của Nhà

nước, theo nội quy, quy chế, Điều lệ của nhà trường và phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm được giao cho Hiệu trưởng. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Hiệu trưởng thì phải thông báo cho cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường biết và báo cáo lên cấp trên.

4. Thực hiện chế độ hội họp theo đúng định kỳ, như: họp giao ban (tháng), họp Hội đồng (tháng) họp Hội đồng tư vấn, họp Hội đồng thi đua khen thưởng; Tổ chức hội nghị VC hàng năm.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của Nhà nước; công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách và việc đánh giá định kỳ đối với nhà giáo, viên chức, người học.

6. Gương mẫu, đi đầu trong việc đấu tranh chống những biểu hiện không dân chủ trong nhà trường, như: cửa quyền, sách nhiễu, thành kiến, trù dập, giấu diếm, bưng bít, làm sai sự thật, làm trái nguyên tắc và những biểu hiện không dân chủ khác.

7. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nhà trường. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, các cá nhân trong nhà trường, phát huy dân chủ trong tổ chức hoạt động của nhà trường.

8. Bảo vệ và giữ gìn uy tín của nhà trường.

9. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của cấp dưới trực tiếp trong việc thực hiện dân chủ và giải quyết kịp thời những kiến nghị của cấp dưới theo thẩm quyền được giao.

10. Phối hợp với tổ chức công đoàn trong nhà trường tổ chức hội nghị viên chức mỗi năm một lần theo quy định của Nhà nước.

Điều 5. Những việc Hiệu trưởng phải lấy ý kiến tham gia đóng góp xây dựng của các cá nhân hoặc các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường trước khi Quyết định:

1. Kế hoạch giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong năm học.

2. Quy trình quản lý những vấn đề về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức bộ máy trong nhà trường.

3. Kế hoạch tuyển sinh (lớp 1), đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo, viên chức.

4. Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường.

5. Các biện pháp tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng, lề lối làm việc, xây dựng nội quy, quy chế trong nhà trường.

6. Các báo cáo sơ kết, tổng kết theo định kỳ trong năm học.

MỤC 2. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ GIÁO, VIÊN CHỨC

Điều 6. Nhà giáo, viên chức trong nhà trường có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục.

2. Tham gia đóng góp ý kiến về những nội dung quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng bè phái, mất đoàn kết, cửa quyền, quan liêu và những hoạt động khác vi phạm dân chủ, kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.

4. Thực hiện đúng những quy định trong Luật công chức, viên chức; Phép lệnh chống tham nhũng; Phép lệnh thực hành tiết kiệm.

5. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, viên chức; tôn trọng đồng nghiệp và người học; bảo vệ uy tín của nhà trường.

Điều 7. Những việc nhà giáo, viên chức được biết, tham gia ý kiến, giám sát kiểm tra thông qua hình thức dân chủ trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường:

1. Những chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với nhà giáo, viên chức. Những quy định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường.

2. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

3. Công khai các khoản đóng góp của người học, việc sử dụng kinh phí và chấp hành chế độ thu, chi, quyết toán theo quy định hiện hành.

4. Giải quyết các chế độ, quyền lợi, đời sống vật chất, tinh thần cho nhà giáo, viên chức, cho người học.

5. Việc thực hiện nâng ngạch công chức, nâng bậc lương, chuyển chuyên, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật.

6. Những vấn đề về tuyển sinh.

7. Báo cáo sơ kết, tổng kết, nhận xét, đánh giá VC.

MỤC 3. NHỮNG VIỆC NGƯỜI HỌC ĐƯỢC BIẾT VÀ THAM GIA Ý KIẾN

Điều 8. Những việc người học được biết.

Người học phải được biết những nội dung sau đây:

1. Chủ trương, chế độ, chính sách của Nhà nước, của Ngành và những quy định của nhà trường đối với người học.

2. Kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch đào tạo của nhà trường hàng năm.

3. Những thông tin có liên quan đến học tập, rèn luyện, sinh hoạt và các khoản thu theo quy định.

Điều 9. Những việc người học được tham gia ý kiến:

1. Nội quy, quy định của nhà trường có liên quan đến người học.

2. Tổ chức phong trào thi đua và các hoạt động khác trong nhà trường có liên quan đến người học.

MỤC 4. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TRƯỜNG

Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 10. Trách nhiệm của nhà trường.

Hiệu trưởng thực hiện hoặc phân công cho cấp dưới thực hiện những việc sau đây:

1. Phổ biến ngay từ đầu năm học kế hoạch năm học và những nội dung liên quan đến trách nhiệm của người học, nhà giáo, viên chức trong nhà trường.

2. Thông báo công khai những quy định về tuyển sinh (vào lớp 1), nội quy, quy chế, học tập, kết quả các cuộc thi, tiêu chuẩn đánh giá xếp loại, khen thưởng, kỷ luật.

3. Định kỳ ít nhất trong một năm học có 3 lần (đầu năm, giữa năm, cuối năm), tổ chức họp phụ huynh để thông báo kế hoạch và nhiệm vụ năm học, trách nhiệm của các bậc cha mẹ, sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình của người học, thông báo kết quả học tập, rèn luyện của người học.

4. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người đại diện cho nhà trường tổ chức các hoạt động thực hiện dân chủ của lớp mình, thường xuyên tiếp thu và tổng hợp ý kiến của người học và các bậc cha mẹ của người học để phản ánh cho Hiệu trưởng.

5. Kịp thời thông báo những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người học, nhà giáo, viên chức trong nhà trường.

6. Giải đáp các ý kiến và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo luật định.

MỤC 5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ PHẬN, ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Điều 12. Trách nhiệm của các Bộ phận trong bộ máy quản lý của Nhà trường như: Ban thanh tra nhân dân, tổ trưởng chuyên môn, là người đại diện cho đơn vị có trách nhiệm:

1. Tham mưu, đề xuất, những biện pháp giúp Hiệu trưởng thực hiện tốt những quy định của Quy chế này.

2. Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động dân chủ trong nhà trường.

3. Thực hiện nghiêm túc lễ lễ làm việc trong nhà trường, giữa các tổ chuyên môn với nhau và giữa công đoàn với nhà trường; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và những quy định của Luật Giáo dục, nội quy trường học.

Điều 13. Trách nhiệm của đoàn thể, các tổ chức trong nhà trường.

Đội TNTPHCM; các tổ trưởng trong nhà trường là người đại diện cho đoàn thể, tổ chức đó có trách nhiệm:

1. Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

2. Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các đoàn thể, các tổ chức, dân chủ bàn bạc các chủ trương, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, có trách nhiệm lắng nghe ý kiến của quần chúng, phát hiện những vi phạm quy chế dân chủ trong nhà trường để đề nghị Hiệu trưởng giải quyết. Hiệu trưởng không giải quyết được thì báo cáo lên cấp có thẩm quyền trong ngành theo phân cấp quản lý để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ và Ban đại diện cha, mẹ học sinh trong trường.

1. Ban đại diện cha, mẹ học sinh có trách nhiệm tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các cha, mẹ học sinh để cùng nhà trường giải quyết các vấn đề sau đây:

Nội dung công việc có liên quan đến sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình để giải quyết những việc có liên quan đến học sinh.

Vận động các bậc cha mẹ học sinh thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ mà học sinh được hưởng hoặc nghĩa vụ phải đóng góp theo quy định.

Vận động các bậc cha mẹ học sinh thực hiện các nội dung thu trong cơ sở giáo dục.

2. Cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có thể phản ánh, trao đổi, góp ý kiến trực tiếp với nhà trường, với giáo viên hoặc thông qua Ban đại diện cha, mẹ học sinh về những vấn đề liên quan đến công tác giáo dục trong nhà trường.

Chương 3

QUAN HỆ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Nhà trường với cơ quan quản lý cấp trên.

1. Phục tùng sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đúng quy định, kịp thời và nghiêm túc.

2. Kịp thời phản ánh những vướng mắc, khó khăn của nhà trường và kiến nghị những biện pháp khắc phục để cấp trên xem xét giải quyết (nếu có).

3. Phản ánh những vấn đề chưa rõ trong việc quản lý chỉ đạo của cấp trên, góp ý phê bình đối với cơ quan quản lý cấp trên bằng văn bản hoặc thông qua đại diện. Trong khi ý kiến phản ánh lên cấp trên chưa được giải quyết, nhà trường vẫn phải nghiêm túc chấp hành và thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên.

Điều 16. Quan hệ của nhà trường đối với chính quyền địa phương.

Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ với cơ quan chính quyền sở tại để phối hợp giải quyết định những công việc có liên quan đến công tác giáo dục trong nhà trường và chăm lo quyền lợi học tập của người học.

Chương 4- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Viên chức trong trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ này sẽ được tuyên dương khen thưởng; VC vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 18. Toàn thể viên chức trường tiểu học số 2 Tuần giáo có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Quy chế có hiệu lực kể từ ngày 16/9/2025.

3. Phụ lục 3 (Quy chế về quản lý, sử dụng tài sản công)

UBND XÃ TUẦN GIÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG T.H SỐ 2 TUẦN GIÁO Độc lập –Tự do-Hạnh Phúc
Số 02/QC-THS2TG

QUY CHẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG TRƯỜNG HỌC

Căn cứ vào văn bản chỉ đạo của UBND xã về việc báo cáo tình hình xây dựng, Ban hành thực hiện Quy chế bảo quản, sử dụng tài sản công trong trường học, trường tiểu học số 2 Tuần giáo xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong trường học như sau:

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm và thẩm quyền quyết định của các bộ phận, cá nhân trong quản lý, sử dụng, mua sắm, tiếp nhận, sửa chữa, điều chuyển, thu hồi và thanh lý tài sản công trong trường...

2. Đối tượng áp dụng

- a) Hiệu trưởng, các tổ trưởng;
- b) Giáo viên, nhân viên;
- c) Học sinh.

Điều 2. Tài sản công trong trường

Tài sản công quy định trong quy chế này là tài sản do nhà nước giao cho nhà trường quản lý, sử dụng, do đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác hoặc do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, đóng góp bao gồm:

1. Toàn bộ cơ sở vật chất của nhà trường gồm đất, phòng học, phòng làm việc, các phòng chức năng, phòng bộ môn và các công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động dạy và học (nhà xe, cổng, tường rào, cột cờ, sân khấu, sân, bồn hoa cây cảnh...), hệ thống kỹ thuật hạ tầng (hệ thống cấp điện, chiếu sáng, hệ thống cấp nước, hệ thống điện thoại, đường truyền Internet,...)

2. Trang thiết bị

a) Trang thiết bị làm việc: bàn ghế ngồi học và làm việc, tủ đựng tài liệu, tủ trưng bày, giá đựng tài liệu, bàn ghế; máy vi tính, máy in, máy photocopy; máy chiếu, màn chiếu, thiết bị âm thanh; điện thoại, thiết bị kết nối Internet...

b) Các thiết bị thuộc hệ thống kỹ thuật: thiết bị chiếu sáng, thiết bị âm thanh, điện thoại, Website, mạng Internet, phần mềm quản lý...

c) Các trang thiết bị khác: máy thu hình, các dụng cụ khác...

3. Các tài sản vật chất vô hình mà việc sử dụng phải chi trả bằng tiền như nước, cước điện thoại, phần mềm...

Điều 3. Nguyên tắc quản lý sử dụng tài sản công

1. Tất cả tài sản công trong trường được giao cho mỗi tổ hoặc cá nhân trong trường quản lý, sử dụng.

2. Tài sản công trong trường được quản lý thống nhất, có sự phân công, phân cấp quyền hạn, trách nhiệm giữa Hiệu trưởng với các tổ trưởng, các cá nhân được giao trực tiếp sử dụng tài sản.

3. Tài sản công phải được đầu tư, trang bị, sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ bảo đảm công bằng, hiệu quả và tiết kiệm; được bảo dưỡng, sửa chữa và bảo vệ theo chế độ quy định.

4. Việc xác định giá trị tài sản công trong các quan hệ mua, bán, thanh lý được thực hiện theo cơ chế thị trường và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Thực hiện công khai, minh bạch trong việc quản lý sử dụng tài sản công trong trường. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý sử dụng tài sản công phải bị xử lý nghiêm minh.

Chương II - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC

Điều 4. Đối tượng sử dụng diện tích làm việc, học tập tại trường

1. Hiệu trưởng, giáo viên;
2. Các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong trường;
3. Các bộ phận chuyên quản: Kế toán, y tế, thư viện, đội, bảo vệ;
4. Toàn thể học sinh.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc, học tập.

Căn cứ vào các quy định hiện hành của nhà nước và điều kiện về diện tích làm việc thực tế của nhà trường để quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc (trừ phòng học).

Điều 6. Bố trí sắp xếp nơi làm việc.

Hiệu trưởng căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc tại trường, chức năng, nhiệm vụ, số lượng viên chức của đơn vị và diện tích thực tế tại trường để xây dựng phương án bố trí sắp xếp nơi làm việc của các bộ phận chuyên quản, hội đồng sư phạm.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của HS sử dụng cơ sở vật chất trường học.

1. Chỉ được vào trường, vào phòng học khi bảo vệ nhà trường mở cửa hoặc vào phòng học phòng bộ môn khi được sự cho phép của giáo viên giảng dạy hoặc của người quản lý phòng bộ môn;

2. Không mang các vật dễ cháy, nổ, thức ăn, nước uống và không xả rác trong phòng học, phòng bộ môn;

3. Chỉ sử dụng phòng tin để học tập. Không được chơi trò chơi điện tử, nghe nhạc, xem phim, ... và không được truy cập vào các trang web mà luật pháp Việt Nam ngăn cấm;

4. Không tự ý di chuyển hoặc thay đổi tháo ráp bất kỳ thiết bị nào trong phòng học Tin, phòng Tiếng Anh, phòng học, phòng chức năng;

5. Không sử dụng các đồ dùng, dụng cụ trong phòng bộ môn khi chưa có sự đồng ý của giáo viên phụ trách;

6. Không tùy tiện xê dịch bàn ghế trong phòng học, có trách nhiệm bảo vệ tài sản bên trong.

Điều 8. Yêu cầu về sử dụng CSVC nhà trường.

1. Yêu cầu chung

a) Toàn bộ CSVC của nhà trường phải được sử dụng đúng công năng thiết kế, đúng mục đích. Không sử dụng các diện tích làm việc, công trình phụ trợ vào mục đích sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho mượn ...

b) Toàn bộ khối công trình của nhà trường có sơ đồ thể hiện rõ các phòng làm việc, bộ phận công cộng, kỹ thuật, vị trí làm việc của các bộ phận và đơn vị lớp được đặt ở vị trí thuận lợi phục vụ cho công tác điều hành.

c) Tại các phòng làm việc, phòng học có ghi tên, biển lớp

3. Yêu cầu về phân sử dụng chung

a) Phần sử dụng chung trong trường là phần được dùng cho các bộ phận chuyên quản và cá nhân trong trường cùng sử dụng, bao gồm các phòng họp, phòng học, phòng hội đồng, hành lang, cầu thang, các khu vệ sinh chung, nhà để xe, sân, bồn hoa cây cảnh, các hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc...

b) Các bộ phận chuyên quản và cá nhân trong trường có quyền bình đẳng trong việc sử dụng phần sử dụng chung và có nghĩa vụ chấp hành các quy định tại quy chế này về quản lý sử dụng phần sử dụng chung.

c) Văn phòng để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo. Việc bố trí sắp xếp, công tác phục vụ tại phòng họp thuộc trách nhiệm của tổ văn phòng.

d) Không gây cản trở làm ảnh hưởng đến an toàn, thuận tiện trong việc đi lại tại hành lang, cầu thang. Không để các đồ dùng và trang thiết bị làm việc riêng của bộ phận chuyên quản, cá nhân tại các khu vực hành lang, cầu thang.

e) Khi vận chuyển trang thiết bị phải tránh va chạm gây sứt sạt tường, nền nhà...

f) Giữ gìn các khu vệ sinh sạch sẽ, khô ráo và thoáng khí. Không đổ rác sinh hoạt vào các bồn vệ sinh.

g) Nhà để xe của trường được dùng để xe máy, xe đạp cho học sinh, VCQL, giáo viên, nhân viên trong trường và khách đến để liên hệ công tác.

h) Sân trường chỉ được sử dụng để phục vụ các hoạt động tập thể. Không sử dụng sân để cho thuê, kinh doanh và làm dịch vụ dưới mọi hình thức.

i) Không tự ý trồng, đặt chậu hoa, thay đổi loại cây, vị trí cây cảnh trong trường khi chưa có sự đồng ý của Hiệu trưởng. Không ngắt hoa và vứt rác vào các chậu cây.

k) Không cho phép bất cứ tổ chức hoặc tập thể nào ngoài trường sử dụng nguồn điện. Cấm đấu nối hệ thống cấp điện, cấp nước, điện thoại, mạng Internet ra ngoài khuôn viên trường cho người ngoài sử dụng; không để đồ đạc gây cản trở việc vận hành, sửa chữa các tủ điện, chữa cháy tại các tầng và trong phòng làm việc.

l) Đặt treo pano, băng rôn và khẩu hiệu trong trường phải đảm bảo vẻ mỹ quan, dễ nhìn. Không sử dụng pano, băng rôn, khẩu hiệu trong cơ quan với mục đích quảng cáo, kinh doanh, thương mại.

3. Yêu cầu về phân sử dụng riêng tại các bộ phận chuyên quản.

a) Phần sử dụng riêng của các bộ phận chuyên quản là phần diện tích và các thiết bị kỹ thuật kèm theo (phòng làm việc, đèn chiếu sáng, quạt điện...) được giao cho từng bộ phận trực tiếp quản lý và sử dụng.

b) Các phòng làm việc phải được bố trí hợp lý, gọn gàng, thuận lợi cho các thành viên trong phòng làm việc và đảm bảo các điều kiện về chiếu sáng, điều tiết không khí, đường truyền Internet theo đúng các quy định của nhà nước.

c) Không đem các chất độc hại, chất dễ gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường vào phòng làm việc.

d) Phương tiện thông tin liên lạc (kể cả đường truyền Internet) tại trường chỉ được sử dụng vào mục đích công vụ. Khi cần vì trường hợp đặc biệt thì có thể mượn.

đ) Hết giờ làm việc phải tắt các thiết bị điện và khóa cửa. Hàng ngày sau mỗi buổi học khóa hết các phòng học, phòng làm việc, cổng trường.

4. Bảo vệ, phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đón tiếp, khách đến cơ quan làm việc và thực hiện nội quy nhà trường, quy định về an toàn phòng chống cháy

nổ trong trường và các quy định tại quy chế này về quản lý sử dụng phần sử dụng chung.

5. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức phân công người theo dõi kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý sử dụng phần sử dụng riêng tại các bộ phận chuyên quản...

Điều 9. Bảo dưỡng, sửa chữa nơi làm việc

1. Nhà trường thực hiện việc sửa chữa và định kỳ bảo dưỡng toàn bộ cơ sở vật chất theo chế độ, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

2. Nhà trường phân công một cán bộ kiêm nhiệm công tác bảo dưỡng nhỏ (đồng chí bảo vệ); các trường hợp quy mô hơn thì hợp đồng thuê mướn thợ...

3. Các bộ phận chuyên quản và cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời các hư hỏng với bộ phận văn phòng để trình Hiệu trưởng xem xét, sửa chữa, không tự ý và gọi người ngoài vào bảo dưỡng, sửa chữa.

4. Các bộ phận chuyên quản và cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để người có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa đối với phần sử dụng riêng của mình.

5. Không làm sai lệch thiết kế hiện trạng trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa CSVC nhà trường. Trường hợp cần thiết thay đổi thiết kế thì bộ phận, cá nhân thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa đề xuất phương án và chỉ tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa sau khi được Hiệu trưởng đồng ý.

Điều 10. Thu hồi diện tích làm việc

1. Vượt quá tiêu chuẩn định mức hoặc sử dụng sai mục đích.

2. Được bố trí diện tích làm việc mới.

Mục 2- QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ

Điều 11. Tiếp nhận trang thiết bị

1. Các trường hợp tiếp nhận trang thiết bị.

a) Trang thiết bị được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp.

b) Do các tổ chức và cá nhân tài trợ, cho tặng

2. Việc bàn giao trang thiết bị trong quá trình tiếp nhận phải được thể hiện bằng biên bản và có xác nhận của Hiệu trưởng.

3. Không tiếp nhận các thiết bị mà trường không có nhu cầu.

4. Các trang thiết bị được tiếp nhận phải được vào sổ theo dõi sử dụng tại trường, bộ phận kế toán theo dõi để thực hiện việc kê tăng tài sản của trường.

Điều 12. Quản lý, sử dụng trang thiết bị.

1. Trang thiết bị phải được SD đúng tiêu chuẩn, định mức và đúng mục đích.

2. Không tự ý đổi, trao đổi, cho, tặng, biếu trang thiết bị làm việc của cơ quan; điều chuyển trang thiết bị làm việc giữa các phòng làm việc khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền.

3. Mang trang thiết bị ra ngoài trường phải báo cáo với Hiệu trưởng.

4. Phân công quản lý các trang thiết bị, phòng học, phòng làm việc, các tài sản khác

- Phòng chuyên môn: đ/c Nguyễn Thị Liên
- Các phòng học do các lớp, GVCN tự quản lý
- Phòng Tiếng Anh: đ/c Nguyễn Thị Phương
- Phòng Đội: đ/c Nguyễn Quốc Dương
- Phòng thư viện, thiết bị, phòng đọc: Bạc Thị Minh Thủy
- Phòng dạy Nhạc, Mĩ thuật: đ/c Bạc Thị Minh Thủy
- Phòng dạy Tin: đ/c Nguyễn Thị Huế
- Nhà kho: đ/c Hoàng Thế Nha
- Phòng kế toán : đ/c Nguyễn Thị Lan Anh
- Phòng chờ GV: Tạ Thị Dung
- Phòng truyền thông: đ/c Lường Thị Ngoan
- Văn phòng: đ/c Tạ Thị Dung
- Phòng y tế : đ/c Lường Thị Ngoan
- Nhà bếp: đ/c Tạ Thị Dung
- Phòng bảo vệ: đ/c Hoàng Thế Nha
- Các loại dụng cụ, vật tư phục vụ sinh hoạt CLB do công đoàn quản lý;
- Các phòng làm việc khác do cá nhân đang sử dụng quản lý;
- Sân chơi, sân khấu và các tài sản, cây cảnh ngoài trời: đ/c Hoàng Thế Nha

5. Quản lý, sử dụng trang thiết bị tại các bộ phận chuyên quản, cá nhân.

a) Trang thiết bị tại các phòng học bao gồm bàn ghế làm việc, máy chiếu, máy tính, tủ hồ sơ... do lớp đó quản lý (theo biên bản bàn giao).

b) Trang thiết bị làm việc của các cá nhân (HT, Y tế, Kế toán, Thư viện, Đội) như bàn ghế làm việc, máy vi tính, tủ hồ sơ... do cá nhân đó quản lý (theo biên bản bàn giao).

c) Hiệu trưởng có trách nhiệm: Bố trí, điều chuyển trang thiết bị làm việc trong nội bộ trường; bố trí, phân công người quản lý sử dụng, theo dõi các trang thiết bị dùng chung, giao cho kế toán lập sổ sách, lưu giữ các hồ sơ biên bản giao nhận trang thiết bị và theo dõi toàn bộ các trang thiết bị làm việc của trường; điều chuyển các trang thiết

bị làm việc không còn nhu cầu sử dụng hoặc thanh lý các trang thiết bị không còn sử dụng được; chỉ đạo công tác bàn giao tài sản công và hồ sơ quản lý, sử dụng tài sản công khi có sự thay đổi tổ chức hoặc thay đổi Hiệu trưởng.

d) Toàn thể giáo viên, nhân viên có trách nhiệm: bảo quản, giữ gìn và sử dụng trang thiết bị lâu bền, tiết kiệm, hiệu quả; thông báo kịp thời về tình trạng hư hỏng của trang thiết bị được giao và đề nghị nhà trường sửa chữa; báo cáo Hiệu trưởng khi xảy ra mất mát hoặc các biến động, thay đổi liên quan đến trang thiết bị được giao; bảo quản tem kiểm kê dán trên thiết bị trong quá trình sử dụng và bàn giao bằng biên bản các trang thiết bị được giao khi chuyển công tác, nghỉ hưu.

e) Tổ trưởng có trách nhiệm theo dõi và đôn đốc các thành viên trong tổ thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị của Quy chế này.

Điều 13. Theo dõi và kiểm kê trang thiết bị.

1. Sổ sách quản lý trang thiết bị gồm:

a) Sổ tài sản và sổ theo dõi sử dụng tài sản của trường do kế toán lập và lưu giữ theo quy định của Nhà nước.

b) Sổ theo dõi sách thư viện, thiết bị dạy học do cán bộ thư viện lập và lưu giữ.

c) Các loại sổ sách trên bảo đảm yêu cầu thông tin gồm:

- Tổng hợp danh mục trang thiết bị làm việc của đơn vị, số lượng, quy cách và ngày trang bị;

- Nguồn gốc thiết bị (mua sắm, quà tặng, tài trợ...);

- Họ tên và chữ ký của người được giao sử dụng trang thiết bị, mua sắm, tiếp nhận, thu hồi, điều chuyển và thanh lý trang thiết bị của đơn vị.

- Xác nhận của Hiệu trưởng và các bộ phận liên quan.

- Các biên bản bàn giao liên quan đến việc trang bị tiếp nhận, thu hồi, điều chuyển và thanh lý trang thiết bị của đơn vị.

2. Kiểm kê trang thiết bị

a) Việc kiểm kê trang thiết bị trong trường được thực hiện theo quy định của nhà nước hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.

b) Thành phần kiểm kê gồm đại diện BGH, ban TTND, đại diện CDCS và các cá nhân có liên quan.

c) Nhà trường có trách nhiệm cử đại diện tham gia kiểm kê trang thiết bị và tạo điều kiện cho việc kiểm kê được thực hiện đúng kế hoạch.

Điều 14. Bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị

1. Các bộ phận chuyên quản, cá nhân khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng có trách nhiệm báo cho tổ trưởng tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, sửa chữa và không tự sửa

chữa thay thế linh kiện, phụ tùng hoặc thuê mướn người ngoài sửa chữa, thay thế linh kiện, phụ tùng của các trang thiết bị được giao.

2. Nhà trường thực hiện việc sửa chữa và định kỳ bảo dưỡng trang thiết bị trong trường theo chế độ, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

Điều 15. Thu hồi trang thiết bị làm việc.

1. Các trường hợp thu hồi trang thiết bị làm việc như sau:

a) Sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng.

b) Nghỉ hưu hoặc chuyển công tác.

c) Sau khi hoàn thành chương trình năm học.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền thu hồi trang thiết bị làm việc được thực hiện theo các bước sau:

a) Tổ văn phòng nhà trường khi phát hiện ra các trang thiết bị thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 ngày phải lập danh mục và báo cáo Hiệu trưởng.

b) Tổ văn phòng nhà trường báo cáo bằng văn bản đến các trường hợp nêu trong khoản 1 điều này danh mục các trang thiết bị thu hồi, lý do và thời gian dự kiến sẽ thu hồi.

c) Chậm nhất 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cá nhân có trang thiết bị thu hồi có ý kiến trả lời bằng văn bản gửi nhà trường.

d) Sau khi có ý kiến trả lời hoặc quá thời hạn mà cá nhân đó không có ý kiến trả lời, Hiệu trưởng căn cứ vào Khoản 1 điều này quyết định thu hồi hoặc không thu hồi trang thiết bị.

đ) Cá nhân hoặc bộ phận nào có trang thiết bị thu hồi phải thực hiện chuyển giao đầy đủ trang thiết bị về cho các bộ phận hoặc văn phòng trường theo thời hạn trong quyết định thu hồi.

e) Tổ văn phòng nhà trường tổ chức thu hồi theo quyết định của Hiệu trưởng; bảo quản và đề xuất sử dụng hiệu quả trang thiết bị thu hồi.

Điều 16. Điều chuyển trang thiết bị làm việc.

1. Các trường hợp điều chuyển trang thiết bị làm việc:

a) Điều chuyển giữa các lớp trong trường từ nơi thừa sang nơi thiếu theo chỉ đạo của BGH.

b) Để mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn.

c) Báo cáo cấp trên đề nghị Điều chuyển cho trường khác khi không có nhu cầu sử dụng.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chuyển trang thiết bị được thực hiện theo quy định của chung.

Điều 17. Thanh lý trang thiết bị.

1. Các trường hợp thanh lý trang thiết bị

- a) Đã sử dụng vượt quá thời hạn khấu hao mà không thể tiếp tục sử dụng.
- b) Bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà sửa chữa không khắc phục được.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền thanh lý trang thiết bị được thực hiện theo quy định của Bộ tài chính

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng có quyết định thanh lý trang thiết bị, ra Quyết định thành lập hội đồng thanh lý trang thiết bị để các tổ chức thanh lý trang thiết bị gồm các thành phần sau:

- Đại diện cấp ủy;
- Đại diện BGH;
- Đại diện ban TTND;
- Kế toán; các tổ trưởng.

b) Hội đồng thanh lý trang thiết bị tổ chức thực hiện thanh lý trang thiết bị theo quy định của nhà nước

3. Việc thanh lý trang thiết bị phải được công khai đến toàn thể viên chức được biết để theo dõi giám sát.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT

Điều 18. Xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công

1. Hình thức xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công

- a, Nhắc nhở;
- b, Thông báo trong toàn trường;
- c, Đề nghị hạ bậc khi xét danh hiệu thi đua;
- d, Đề nghị xử lý kỷ luật.

2. Hình thức nhắc nhở được áp dụng đối với các bộ phận chuyên quản và cá nhân có hành vi vi phạm lần đầu các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trường hợp các bộ phận và cá nhân đã được nhắc nhở nhưng vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng tài sản công thì bị xử lý bằng hình thức thông báo công khai trong toàn HĐSP.

4. Các bộ phận, cá nhân tái diễn cùng một hành vi vi phạm 03 lần trở lên trong một năm hoặc tùy theo mức độ vi phạm, thì bị đề nghị hạ một bậc khi xét danh hiệu thi đua trong năm.

5. Người vi phạm các quy định của Quy chế này để xảy ra thiệt hại tài sản công, ngoài việc bị xử lý theo quy định còn bị phạt xử lý trách nhiệm vật chất theo quy định hiện hành.

Điều 19. Xử lý trách nhiệm vật chất đối với người gây ra thiệt hại tài sản công.

1. Hình thức xử lý trách nhiệm vật chất

a) Bồi thường.

b) Bồi thường và đền bù chi phí khắc phục hậu quả do vi phạm gây ra.

2. VCQL, giáo viên, nhân viên, học sinh gây ra thiệt hại tài sản công, dù cố ý hay không cố ý, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quyết định của người có thẩm quyền.

3. VCQL, giáo viên, nhân viên, học sinh phạm các quy định của Quy chế này để xảy ra thiệt hại tài sản công hoặc gây thiệt hại công sức lao động của người khác, ngoài việc phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại còn phải đền bù chi phí khắc phục hậu quả do việc vi phạm gây ra.

4. Mức bồi thường và đền bù chi phí khắc phục hậu quả được XD trên cơ sở giá trị thiệt hại của tài sản và chi phí để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

5. Bộ phận kế toán tham mưu cho Hiệu trưởng xác định giá trị thiệt hại của tài sản làm cơ sở áp dụng trong việc xử lý trách nhiệm vật chất đối với người gây ra thiệt hại tài sản công trong trường.

Điều 20. Thẩm quyền Quyết định xử lý phạm về quản lý, sử dụng tài sản công và xử lý trách nhiệm vật chất.

Hiệu trưởng quyết định xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và hình thức xử lý trách nhiệm vật chất đối với đối tượng bị xử lý là các bộ phận và cá nhân.

Điều 21. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất

1. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất được thành lập khi có yêu cầu xử lý trách nhiệm vật chất đối với người gây ra thiệt hại tài sản công bao gồm:

a) Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng;

b) Ban TTND - ủy viên;

c) Kế toán - ủy viên;

d) Đại diện BDDCMHS trường;

e) Trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng có thể mời chuyên gia hoặc thuê tư vấn giám định mức độ thiệt hại tài sản.

2. Hội đồng xử lý có nhiệm vụ xem xét, đánh giá tính chất của hành vi gây thiệt hại, mức độ thiệt hại, xác định trách nhiệm của người gây ra thiệt hại và tập thể, cá nhân có liên quan; kiến nghị với người có thẩm quyền về mức và phương thức bồi thường thiệt hại.

3. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất làm theo nguyên tắc:

a) Khách quan, dân chủ và tuân theo quy định của pháp luật;

b) Việc kiến nghị mức và phương thức bồi thường được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín và theo nguyên tắc đa số;

c) Các cuộc họp của Hội đồng phải có biên bản đề thông qua và Chủ tịch Hội đồng ký. Trường hợp người gây ra thiệt hại được Hội đồng mời 02 lần mà không đến thì Hội đồng vẫn họp và người gây thiệt hại phải chấp hành QĐ bồi thường thiệt hại.

Điều 22. Trình tự và thủ tục xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

1. Thông báo vi phạm

Các bộ phận và cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm các quy định của quy chế này hoặc phát hiện cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh làm thất thoát, mất, hư hỏng tài sản công thì thông báo bằng mọi hình thức (thông báo trực tiếp, qua điện thoại, gửi văn bản...) đến nhà trường.

2. Lập biên bản vi phạm

Khi nhận được thông báo về vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, Hiệu trưởng chỉ đạo tiến hành: Kiểm tra xác minh, nhắc nhở, sơ bộ đánh giá thiệt hại, lập biên bản vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; báo cáo UBND xã

3. Hiệu trưởng yêu cầu giáo viên, nhân viên hoặc học sinh vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc gây ra thiệt hại tài sản công trong thời gian 02 ngày viết bản tường trình về vụ việc, đề xuất hướng giải quyết.

4. Quyết định xử lý vi phạm

Căn cứ Điều 18 Quy chế này, biên bản vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và bản tường trình của người vi phạm hoặc người gây ra thiệt hại tài sản công, Hiệu trưởng xem xét, quyết định xử lý vi phạm và ra văn bản:

a) Nhắc nhở hoặc thông báo công khai trong toàn trường đối với các trường hợp bị xử lý theo các hình thức nhắc nhở;

b) Thực hiện quyết định xử lý vi phạm;

c) Trình tự xử lý kỷ luật, xem xét hạ bậc danh hiệu thi đua đối với các bộ phận và cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của

Luật Công chức, viên chức, Luật Lao động, Luật thi đua khen thưởng, nội quy nhà trường và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 23. Trình tự và thủ tục xử lý trách nhiệm vật chất đối với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh.

1. Trình tự

- a) Hiệu trưởng yêu cầu người vi phạm làm bản tường trình;
- b) Lập biên bản vi phạm;
- c) Các văn bản xác định giá trị tài sản bị thiệt hại và giá trị thiệt hại của tài sản do bộ phận kế toán cung cấp;
- d) Các văn bản khác có liên quan.

2. Thủ tục

- a) Người có thẩm quyền thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất.
- b) Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất xem xét, có văn bản kiến nghị mức bồi thường và phương thức bồi thường gửi đến người có thẩm quyền.
- c) Quyết định bồi thường thiệt hại
 - Căn cứ kiến nghị của Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất, người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại. Trong quyết định ghi rõ mức, phương thức và thời hạn bồi thường;
 - Trường hợp người có thẩm quyền có ý kiến khác với kiến nghị của Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất thì người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó trước pháp luật.
- d) Thực hiện quyết định bồi thường thiệt hại
 - Giáo viên, nhân viên, học sinh gây ra thiệt hại phải thực hiện đúng thời hạn, mức và phương thức bồi thường ghi trong quyết định bồi thường thiệt hại.
 - Bộ phận Kế toán nhà trường có trách nhiệm thu theo phương thức bồi thường (thu tiền mặt) ghi trong quyết định bồi thường thiệt hại.
 - Việc quản lý và sử dụng tiền tài sản bồi thường thiệt hại được thực hiện theo các quy định của nhà nước.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Quy chế này sẽ được triển khai thực hiện nghiêm túc sau khi được thông qua trong HĐSP, hàng năm sẽ được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp nhưng phải được ít nhất 2/3 VCQL, GV, NV nhất trí.

Các tổ trưởng có trách nhiệm nhắc nhở, đôn đốc tổ viên thực hiện nghiêm túc, việc thực hiện được dùng làm cơ sở để đánh giá, xếp loại thi đua.

Quy chế này là tổng hợp tất cả ý kiến của tập thể VCQL, GV, NV trong nhà trường, nội dung quy chế được thống nhất và quán triệt tới VCQL, GV, NV, HS trong Hội nghị VC. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025, yêu cầu VCQL, GV, NV, HS trong nhà trường chấp hành nghiêm túc./.

4. Phụ lục 4 (Kế hoạch phát triển đội ngũ)

**UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG T.H SỐ 2 TUẦN
GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05 /KH-THS2TG

Tuần giáo, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN Năm học 2025 - 2026

Căn cứ Chỉ thị số 40/CT-TW, ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và CBQL giáo dục;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch số 2181/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026,

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ văn bản Số 2616/SGDĐT-GDMNTH V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026, ngày 29/8/2025 của SGDĐT tỉnh Điện Biên,

Trường Tiểu học Số 2 Tuần giáo xây dựng Kế hoạch xây dựng bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ với các nội dung, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong trường Tiểu học số 2 Tuần giáo nhằm tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo. Chính vì thế tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên là việc làm cần thiết, quan trọng hàng đầu trong công tác quản lý của một nhà trường, là điều kiện không thể thiếu để nâng cao năng lực của người thầy, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, có chất lượng PCGDTH cũng như đáp ứng được những nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để chuẩn hóa về chất lượng một cách đồng bộ theo mục tiêu và định hướng chung của ngành. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cốt cán, đội ngũ kế cận dự nguồn để nâng cao chất lượng dạy học và quản lý trong nhà trường.

Tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và CBQL của nhà trường, đảm bảo chất lượng cả về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ đào

tạo và năng lực công tác, hợp lý về cơ cấu theo đúng các phân môn dạy học của cấp tiểu học quy định. Tất cả CBQL và GV có bản lĩnh chính trị vững vàng, mẫu mực về phẩm chất, đạo đức, lối sống đáp ứng ngày càng cao trong công cuộc xây dựng CNH và hiện đại hóa đất nước.

Phấn đấu trong năm học, bằng việc đẩy mạnh phong trào tự học, tự bồi dưỡng, thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên thông qua con đường tham gia học tập nâng chuẩn ở các cấp độ Đào tạo; công tác bồi dưỡng của đơn vị, thông qua các hình thức sinh hoạt CD, trao đổi rút kinh nghiệm, viết và áp dụng SK, dự giờ ở đồng nghiệp, phát huy mạnh mẽ phong trào thi đua ở các cấp... Đến cuối năm học 2025-2026 đạt các chỉ tiêu đăng ký.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai các văn bản kế hoạch của các cấp nhằm nâng cao ý thức trong đội ngũ nhà giáo và CBQLGD về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQLGD; nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong công tác. BGH phối hợp với các đoàn thể, với Chi bộ nhà trường, tiến hành quán triệt trong đội ngũ Nhà giáo và CBQL những nội dung cơ bản sau:

- Chỉ thị 40/CT-TW, ngày 15/6/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; Quyết định 09/QĐ-TTg 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và CBQL giáo dục” Làm cho 100%CBQL và đội ngũ Nhà giáo có nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục. Lấy đây làm nội dung sinh hoạt chính trị thường xuyên, rộng lớn trong toàn đơn vị. Làm cho mỗi CBQL và nhà giáo có ý thức trong việc rèn luyện về phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu của đổi mới GD trong giai đoạn hiện nay.

- Xác định rõ việc xây dựng và nâng cao chất lượng của đội ngũ Nhà giáo và CBQL giáo dục trong nhà trường là trách nhiệm của Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ và của cán bộ cốt cán. Do đó mỗi thành viên trong ban chỉ đạo của đơn vị phải gương mẫu nhận thức sâu sắc và tuyên truyền đầy đủ chủ trương này đến tận các nhà giáo. Chấp hành thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch của lãnh đạo nhà trường một cách xuyên suốt.

Thời gian hoàn thành cho công tác tuyên truyền và triển khai chủ trương này chậm nhất đến ngày 30/9/2025.

Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương IV khóa XII với nội dung đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Gắn với Chỉ thị 05-CT/TW việc học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên, chú trọng giáo dục tư tưởng chính trị đạo đức lối sống cho đội ngũ CBGV, NV, kỹ năng sống cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Tăng cường an ninh, an toàn trường học, xây dựng trường học văn hóa lành mạnh.

2. Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu đề nghị lên các cấp tuyển dụng đúng đối tượng và đảm bảo đúng cơ cấu.

3. Tổ chức đánh giá VC, CNN, chuẩn Hiệu trưởng công khai, công bằng, đúng thực chất để làm cơ sở cho việc rèn luyện, nâng cao năng lực của mỗi cá nhân.

4. Triển khai có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua để động viên người có cống hiến cho phong trào, khuyến khích tinh thần ý thức tự học nâng cao trình độ.

5. Thực hiện đầy đủ, kịp thời cho 100% CBQL và GV.

6. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để đánh giá rút kinh nghiệm và nâng cao hiệu quả công tác.

7. Phát huy quyền làm chủ tập thể, thực hiện tốt QCDC theo Thông tư số 11/2020, ngày 19/5/2020 Thông tư hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập để nâng cao ý thức xây dựng nhà trường tạo thành một đơn vị đoàn kết thống nhất cao.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Hiệu trưởng có kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên và CBQL đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý theo Thông tư số 14 /2018/TT-BGDĐT Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng,

Chú trọng bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ theo theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên yêu cầu của các cấp để nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong đổi mới quản lý chỉ đạo và trong đổi mới phương pháp dạy học.

Triển khai thực hiện tốt công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nội dung này là một phần trong thời lượng 120 tiết BDTX được quy định theo quy chế BDTX ban hành kèm theo Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT, kế hoạch số 2181/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026,

Tăng cường công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ bằng các hình thức bồi dưỡng thường xuyên; Tự bồi dưỡng theo các buổi sinh hoạt chuyên môn cụm, trường, tổ. Bồi dưỡng theo chương trình bồi dưỡng 1, chương trình bồi dưỡng 2, chương trình bồi dưỡng 3.

Nhà trường có kế hoạch vận động, đề nghị cơ quan chức năng tình giảm đối với các nhà giáo, CBQL yếu kém về năng lực, phẩm chất và không đảm bảo sức khỏe...

Trong năm tiến hành quy hoạch và phát triển đội Nhà giáo và CBQL để thường xuyên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Có phẩm chất, năng lực, trình độ CMNV và quản lý đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của sự nghiệp GD&ĐT. Có kế hoạch chọn và cử CB, GV trẻ có triển vọng đủ tiêu chuẩn khi cần thiết để đi học các lớp về CMNV, QL và chính trị (Chú ý đối tượng nằm trong diện quy hoạch CB dự nguồn).

IV. NỘI DUNG

1. Đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo và CBQL

1.1. Đối tượng và nội dung điều tra chất lượng đội ngũ

- Về số lượng, cơ cấu đội ngũ nhà giáo và CBQL căn cứ theo tiêu chuẩn của Điều lệ trường TH và Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

- Điều tra trình độ học vấn, trình độ CMNV, trình độ lý luận CT, ngoại ngữ, tin học theo từng loại đối tượng GV đạt yêu cầu theo nhu cầu của công tác chuyên môn đề ra.

- Đánh giá về năng lực và phẩm chất đạo đức của từng CBQL và GV, các nội dung này được đánh giá theo:

- + Đánh giá CBQL và NV ban hành theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP.
- + Đối với CBQL, đánh giá chuẩn HT theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT.
- + Đánh giá chuẩn GVTH Theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Thông tư Ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông.

1.2. Hình thức và nguyên tắc đánh giá

- Đánh giá từng GV: do tổ, hiệu trưởng đánh giá (*lưu biên bản hàng năm*).

- Đánh giá CBQL: do HĐSP trường đánh giá (*lưu biên bản hàng năm*).

- Nguyên tắc: Đúng theo quy chế quy định, đảm bảo chính xác, khách quan, khoa học đúng với thực trạng đội ngũ của đơn vị: Về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, phẩm chất đảm bảo với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị do ngành quy định.

2. Công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng

2.1. Phân loại theo phẩm chất, trình độ, năng lực, cơ cấu và độ tuổi, qua đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo; Tham mưu với các lãnh đạo hướng bố trí, sử dụng, điều chuyển, luân chuyển một cách hợp lý theo từng môn dạy, lớp học để phát huy tốt hiệu quả công tác. Trường hợp không còn đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý và giảng dạy, nhà trường có kế hoạch sàng lọc, đề nghị cơ quan chức năng tinh giảm đối với các nhà giáo, CBQL yếu kém về năng lực, phẩm chất và không đảm bảo sức khỏe.

2.2. Trong năm tiến hành quy hoạch và phát triển đội Nhà giáo và CBQL để thường xuyên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất, năng lực, trình độ CMNV và quản lý đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của sự nghiệp GD&ĐT, có kế hoạch chọn và cử VC, GV trẻ có triển vọng đủ tiêu chuẩn để phát triển trong tương lai khi cần thiết để đi học các lớp về CMNV, QL và chính trị (Chú ý đối tượng nằm trong diện quy hoạch).

2.3. Thực hiện tốt chế độ học tập, bồi dưỡng bắt buộc trong hè hàng năm và các hình thức tổ chức bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch tại đơn vị và SGDĐT yêu cầu.

2.4. Chỉ tiêu phấn đấu đến cuối năm học của đơn vị:

Bằng việc đẩy mạnh phong trào tự học, tự bồi dưỡng, thực hiện tốt công tác áp dụng các kết quả học tập trong các tài liệu BDCM vào trong giảng dạy đạt hiệu quả thực chất và quá trình tổ chức các hình thức học tập của đơn vị một cách vững chắc; Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng chuẩn cho nhà giáo.

Giáo viên có trình độ chuẩn Đại học 13/13 đạt 100%

Nhân viên trình độ Đại học: 01/4 đạt 25,0%

CBQL có trình độ TCLLCT và QLGD, QL Nhà nước: 01/01 đạt 100%

Giáo viên có trình độ trung cấp LL chính trị 01/13 đạt 7,7%

CBQL, GV là đảng viên: 13/14 đảng viên, đạt 92,9%.

2.5. Nghiêm túc thực hiện tốt công tác phân công CM khách quan, hợp lý. Đặt lợi ích của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị lên trên lợi ích cá nhân. Cử chọn CB cốt cán đúng thực chất để làm hạt nhân đòn bẩy phong trào tự học tập của đơn vị được phát huy mạnh mẽ.

2.6. Xây dựng cụ thể kế hoạch BD giáo viên trong năm học phù hợp với thực tiễn của đơn vị và chính xác với từng GV. Định kỳ trong năm có sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm thiết thực và hiệu quả với từng GV, NV.

2.7. Tạo điều kiện để GV, NV có điều kiện học tập về các khả năng sư phạm, tin học, ngoại ngữ để không ngừng nâng cao năng lực làm việc.

3. Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác BDCBQL, GV, NV

- Nắm vững nội dung chương trình và SGK. Đặc biệt triển khai tốt chuẩn KT-KN từ lớp 1 đến lớp 5; tổ chức cho GV nắm vững sự liên kết các mạch kiến thức theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nắm vững chuẩn KT tối thiểu theo quy định của từng môn học ở từng lớp học. Có kỹ năng xác định tốt KT trọng tâm của từng bài học và xác định được nội dung của các bài khó để thống nhất trong tổ CM. Thực hiện phù hợp chuẩn KT-KN với từng đối tượng học sinh nhất là HS còn yếu.

- Tập trung BD đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, lấy HS làm trung tâm. Tổ chức tốt các hình thức dạy học để HS tự phát hiện và tự chiếm lĩnh kiến thức theo hướng giao việc của GV cho HS hoạt động.

- BD cho CBQL, GV quy trình dạy học của từng phân môn, phương pháp đặc trưng của từng môn học, của các dạng bài cụ thể. Bồi dưỡng cho GV cách thức và hình thức tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với phương pháp dạy học lựa chọn, phù hợp với đối tượng học sinh; kỹ năng làm và sử dụng TB dạy học khoa học...

- Thường xuyên BD cho GV nắm chắc quy chế đánh giá xếp loại HS đúng với TT27/2020/TT-BGDĐT.

- Bồi dưỡng cách trình bày thiết kế bài soạn theo hình thức rõ các hoạt động của thầy và của trò theo phương pháp dạy học tích cực và phân loại đối tượng HS.

- Bồi dưỡng cách thức hoạt động của ban cán sự lớp, cách trang trí lớp học với nội dung dạy học.

- BD tốt cho GV kỹ năng tự học qua hình thức dự giờ. Trong dự giờ phải ghi chép được ưu, khuyết điểm của từng hoạt động dạy học để rút kinh nghiệm cho bản thân và đồng nghiệp.

- Bồi dưỡng kỹ năng tổ chức tốt nề nếp lớp chủ nhiệm nhằm tạo ra cho HS có nề nếp trong học tập và sinh hoạt một cách tự quản nhằm nâng cao hiệu quả GD.

- BD tốt các kiến thức nghiên cứu và viết SK để áp dụng vào thực tế đạt kết quả nâng cao chất lượng GD toàn diện cho HS.

4. Công tác xây dựng các điều kiện

- Nghiêm túc thực hiện tốt các chế độ chính sách hiện hành đối với CBQL và nhà giáo.

- Làm tốt công tác tổ chức và công tác cán bộ, phân công CM một cách công khai, khoa học và dân chủ.

- Làm tốt công tác đánh giá GV công bằng, chính xác, thực chất, đúng từng thành viên trong đội ngũ. Đẩy mạnh các hình thức thi đua và qua đây có các chế độ ưu tiên phát triển hợp lý các danh hiệu thi đua đã đạt được.

- Về công tác xây dựng cơ sở vật chất: Căn cứ vào các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia mức độ 2, đề tham mưu cho các cấp lãnh đạo ngành và địa phương cùng với Hội phụ huynh nhà trường chăm lo các điều kiện tốt nhất, tiến tới hiện đại hóa các điều kiện dạy và học để cho toàn thể CBQL và GV có cơ hội nâng cao năng lực công tác.

5. Các chỉ tiêu phấn đấu đến cuối năm học

- Xếp loại CBQL theo chuẩn Hiệu trưởng:

Tốt: 01/01 đạt 100%

Khá: 0/01 chiếm 0%

- Xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học:

Tốt: 13/13 đạt 100%

Khá: 0/13 đạt 0%

Đạt: 0/13 chiếm 0%

- Xếp loại Viên chức theo NĐ 90/2020: 17/18 (01 HĐ ngắn hạn không xếp loại)

Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 3/17 đạt 17,6%

Hoàn thành Tốt nhiệm vụ: 14/17 đạt 82,4%

Hoàn thành nhiệm vụ: 0/17 chiếm 0%

- Xếp loại bồi dưỡng thường xuyên:

Cán bộ quản lý xếp loại Đạt: 01/01, đạt 100%

Giáo viên xếp loại Đạt: 13/13, đạt 100%

- Giáo viên giỏi các cấp:

Cấp trường: 13/13 đạt 100%, trong đó:

Cấp huyện duy trì: 4/13 đạt 30,8%(N.Phương, Huế, Toàn, Lan).

Cấp tỉnh duy trì: 03/13 đạt 23,1% (Liên, Hương, Tranh).

Số GV có sáng kiến công nhận các cấp 06/13 đạt 46,2%

- Chất lượng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh:

BGH: Tốt 01/01 đạt 100%; Khá: 0/01, đạt 0%

Tổ trưởng: Tốt 2/2 đạt 100%; Khá: 0/2, đạt 0%

Giáo viên: Tốt 13/13 đạt 100%; Khá: 0/13 đạt 0%

V. GIẢI PHÁP

Quán triệt đầy đủ tinh thần Quyết định 09/QĐ-TTg 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và CBQL giáo dục” làm cho 100% CBQL và đội ngũ Nhà giáo có nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.

Triển khai có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua để động viên nhân rộng gương điển hình, khuyến khích tinh thần ý thức tự học nâng cao trình độ.

Tổ chức triển khai quán triệt sâu sắc trong đội ngũ CBQL, GV nắm vững yêu cầu, mục đích cũng như quá trình thực hiện tự đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học một cách thật sự nghiêm túc, khách quan theo hướng dẫn của BGDDT, để bản thân có hướng phấn đấu và nhà trường tạo điều kiện bồi dưỡng để nhằm hoàn thiện và đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên trong ban giám hiệu và giáo viên theo quy định của SGD&ĐT. Tăng cường các hình thức bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ hoạt động dạy học và quản lý qua trang mạng.

BGH, TTCM tăng cường công tác kiểm tra, dự giờ, thăm lớp; thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá toàn diện GV theo theo kế hoạch. Thành lập mạng lưới kiểm tra, hội đồng tư vấn giáo dục gồm những GV có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy để tư vấn giúp đỡ giáo viên trong chuyên môn.

Tăng cường kiểm tra đột xuất, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, kiểm tra theo chuyên đề nhằm phát hiện những khó khăn vướng mắc, ngăn chặn những hành vi vi phạm, kịp thời uốn nắn, phòng ngừa.

Cử giáo viên tham gia bồi dưỡng tổ trưởng để thành lập đội ngũ cốt cán trong nhà trường. Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu đề nghị lên các cấp tuyển dụng đúng đối tượng và đảm bảo đúng cơ cấu.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban giám hiệu

Nhà trường xây dựng ban hành kế hoạch bồi dưỡng của đơn vị mình. triển khai kế hoạch công khai tới tất cả CBGV, NV trong nhà trường.

Tổ chức phát động cuộc thi viết về người tốt việc tốt các gương điển hình tiên tiến trong phong trào bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cá nhân.

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong nhà trường căn cứ lộ trình thực hiện của kế hoạch này tham mưu cụ thể hóa các nội dung thực hiện ở nhà trường.

Mở các chuyên đề cấp tổ, trường, cụm trường nhằm bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng đổi mới phù hợp với thực tế khả năng nhận thức của từng học sinh.

Tổ chức cho giáo viên đi tham quan giao lưu chia sẻ chuyên môn với các đơn vị trường bạn.

2. Trách nhiệm của cán bộ giáo viên, nhân viên

Nắm bắt kế hoạch của nhà trường đã triển khai và thực nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng của nhà trường đã đề ra.

Tích cực tu dưỡng và rèn luyện về đạo đức, nhân cách, giá trị sống. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý trong nhà trường; thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ năm học. Không ngừng đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt, lập nhiều thành tích trong giảng dạy và học tập, thiết thực hưởng ứng và chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Luôn lắng nghe ý kiến tư vấn thúc đẩy để rút kinh nghiệm cho bản thân và có tính cầu thị cao.

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn của sở triển khai và tổ chức chu đáo tại cấp trường.

Thực hiện nghiêm túc việc bồi dưỡng kết hợp với tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Trên đây là nội dung tổ chức kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục năm học 2025-2026 của trường TH số 2 Tuần giáo. Yêu cầu các đồng chí CBQL và GV thực hiện đầy đủ để hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2025-2026 đã đề ra./.